

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ



www.phongphucorp.com



028 6684 7979



48 Tăng Nhơn Phú, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam



MỤC LỤC

01

Trang 5

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Cột mốc thời gian
Các thành tích tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

02

Trang 33

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

03

Trang 71

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

04

Trang 79

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

Trang 83

Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

06

Trang 97

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Thông tin khái quát

Tên Công ty: Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0301446006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 48 Tăng Nhơn Phú, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: 028 6684 7979

Email: info@phongphucorp.com

Website: www.phongphucorp.com

Ngành nghề: Dệt may & Trang phục, phụ kiện



PHONG PHU

CHO CUỘC SỐNG THÊM PHONG PHÚ

MÃ CỔ PHIẾU

PPH

VỐN ĐIỀU LỆ

746.708.910.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.787.693.718.699 đồng

Lịch sử hình thành và phát triển

1964

Ngày 14/10/1964 đặt viên đá đầu tiên xây dựng Khu Kỹ nghệ Sicovina – Phong Phú trực thuộc Công ty kỹ nghệ Bông vải Việt Nam

1966

Nhà máy đầu tiên chính thức đi vào hoạt động với qui mô 3 xưởng sản xuất (sợi - dệt - nhuộm), tổng lao động 1.050 người. Sản phẩm chủ lực: sợi và vải (Satin, Batist, Crèstone, Khaki, vải xiêm, vải ú đen...).

1975

Đổi tên thành Nhà Máy Dệt Phong Phú.

1986

Sản phẩm trong giai đoạn này ngoài vải, sợi Phong Phú còn phát triển mặt hàng khăn bông, vải kate sọc, vải jeans.

1989

Liên doanh với Tập đoàn Coats của Vương Quốc Anh để sản xuất chỉ may. Đến nay Coats Phong Phú là một trong những đơn vị lớn mạnh nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

2006

Chuyển đổi cơ cấu tổ chức thành Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2007

Ngày 11/01/2007, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (Nay là Bộ Công thương) đã ban hành quyết định số 06/2007/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Phong Phú.

2009

Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng.

2014

Tổng công ty tái cấu trúc, hoàn thiện chuỗi cung ứng khép kín từ sợi – dệt – nhuộm – may, đón đầu các hiệp định thương mại tự do, gia tăng nội lực doanh nghiệp và tăng tốc đầu tư.

2017

Mã chứng khoán PPH của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM.

2022

Lần thứ 8 liên tiếp, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tự hào đạt danh hiệu cao quý “Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2022”. Trong năm qua, Phong Phú đã cung cấp sản phẩm khăn bông cho sự kiện FIFA World Cup 2022.

LỄ CÔNG BỐ SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CP PHONG PHÚ

▶ SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2022 ◀

KHĂN BÔNG MOLLIS



Các thành tích tiêu biểu

- Đơn vị Anh hùng Lao động
- Huân chương Độc lập hạng ba, hạng nhì, hạng nhất
- Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất
- Huân chương Chiến công hạng ba
- Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ
- Hàng Việt Nam chất lượng cao
- Doanh nghiệp Nhà nước tiêu biểu
- Cúp vàng Vì sự phát triển của cộng đồng
- Thương hiệu Việt yêu thích
- Giải Sao vàng đất Việt
- Nhà cung cấp xuất sắc của tập đoàn siêu thị Target lớn nhất Hoa Kỳ
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín
- Giải thưởng trách nhiệm xã hội
- Top ten Ngôi sao kinh doanh Việt
- Doanh nghiệp có thương hiệu sản phẩm được lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu Quốc gia
- Top ten Thương hiệu Việt
- 8 năm liên đạt danh hiệu Thương hiệu Quốc Gia Việt Nam (2008-2022).

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, quần áo, hàng may sẵn; Bao bì;
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may.
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh; Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà; Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)

Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty CP Phong Phú có trụ sở chính đặt tại 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3 phường Tầng Nhon Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tổng Công ty có 06 Chi nhánh hoạt động tại các tỉnh thành: Ninh Thuận, Nha Trang, Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng, Đà Nẵng, Thủ đô Hà Nội.

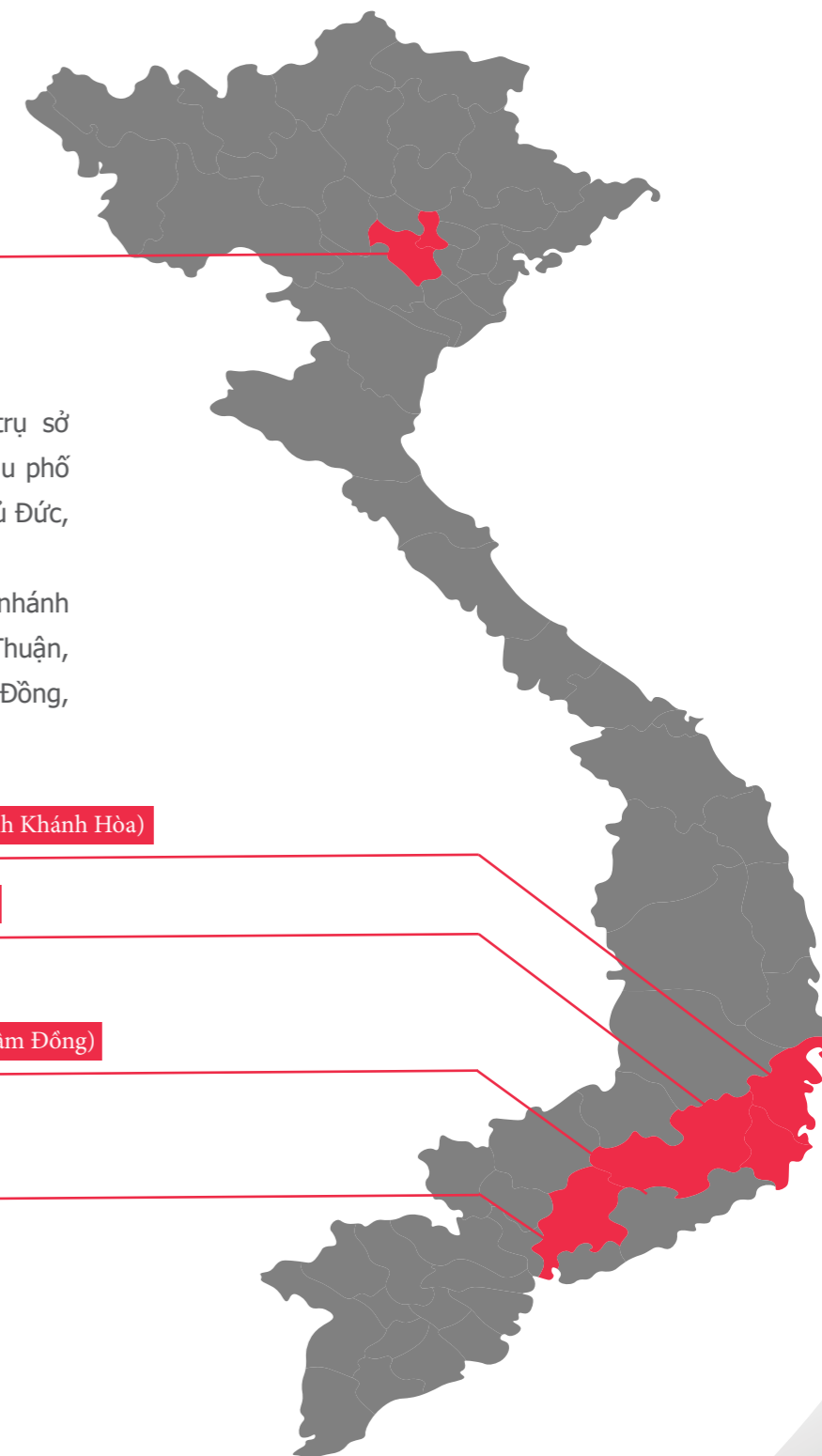
Thủ đô Hà Nội

TP. Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa)

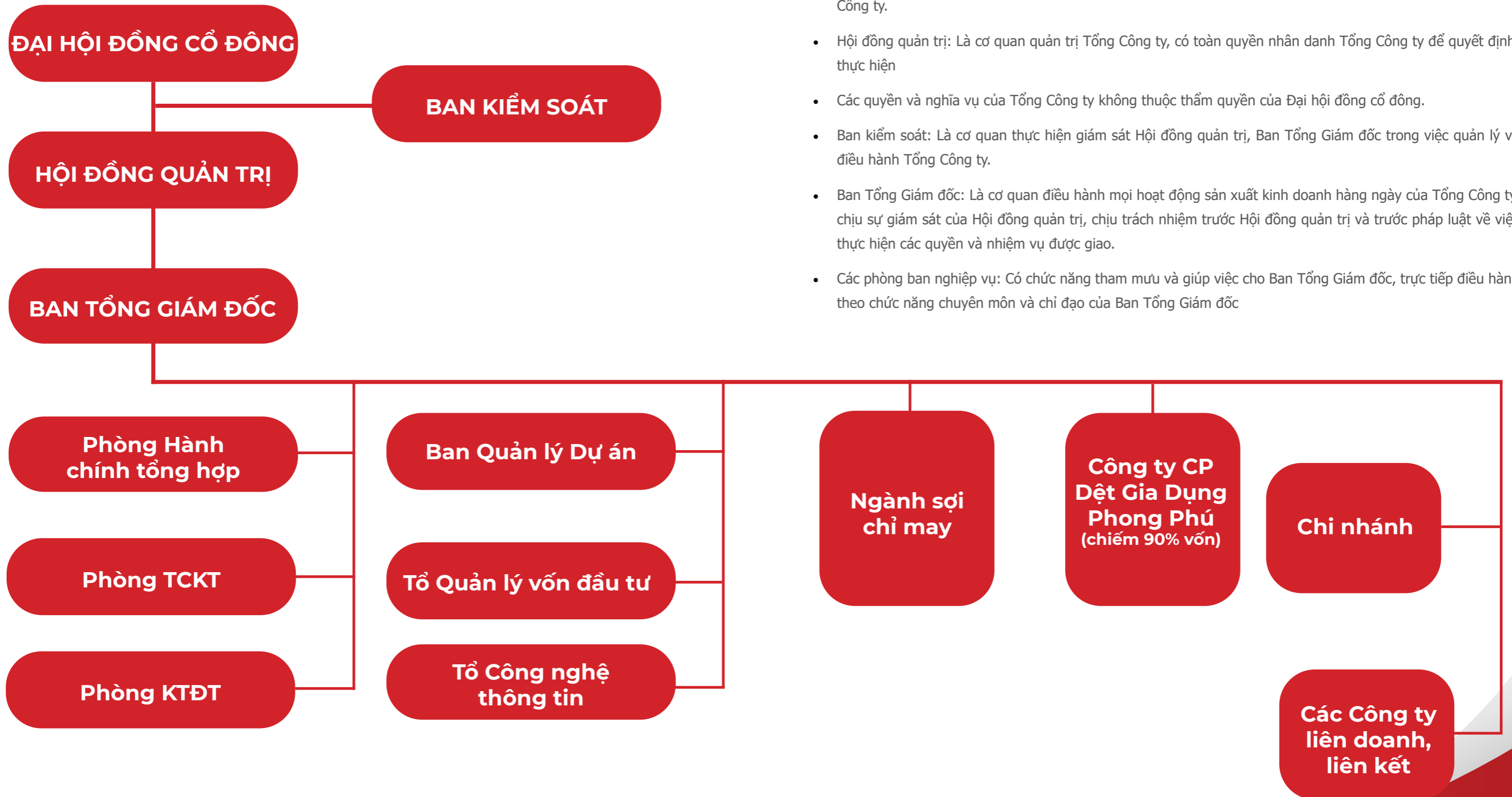
Tỉnh Ninh Thuận

TP. Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng)

TP. Hồ Chí Minh



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện
- Các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: Là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Các phòng ban nghiệp vụ: Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần dệt Gia dụng Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 90%

Công ty liên kết

Công ty CP dệt Đông Nam

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ: 60.370.240.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35,99%

Công ty CP dệt may Nha Trang

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ: 235.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 23,89%

Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 31,71%



Công ty CP may Đà Lạt

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt.

Vốn điều lệ: 10.577.542.764 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 40%

Công ty TNHH Coats Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán xơ, sợi

Vốn điều lệ: 225.389.712.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35%

Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn

Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản.

Vốn điều lệ: 46.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 21,51%

Công ty CP PT Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức

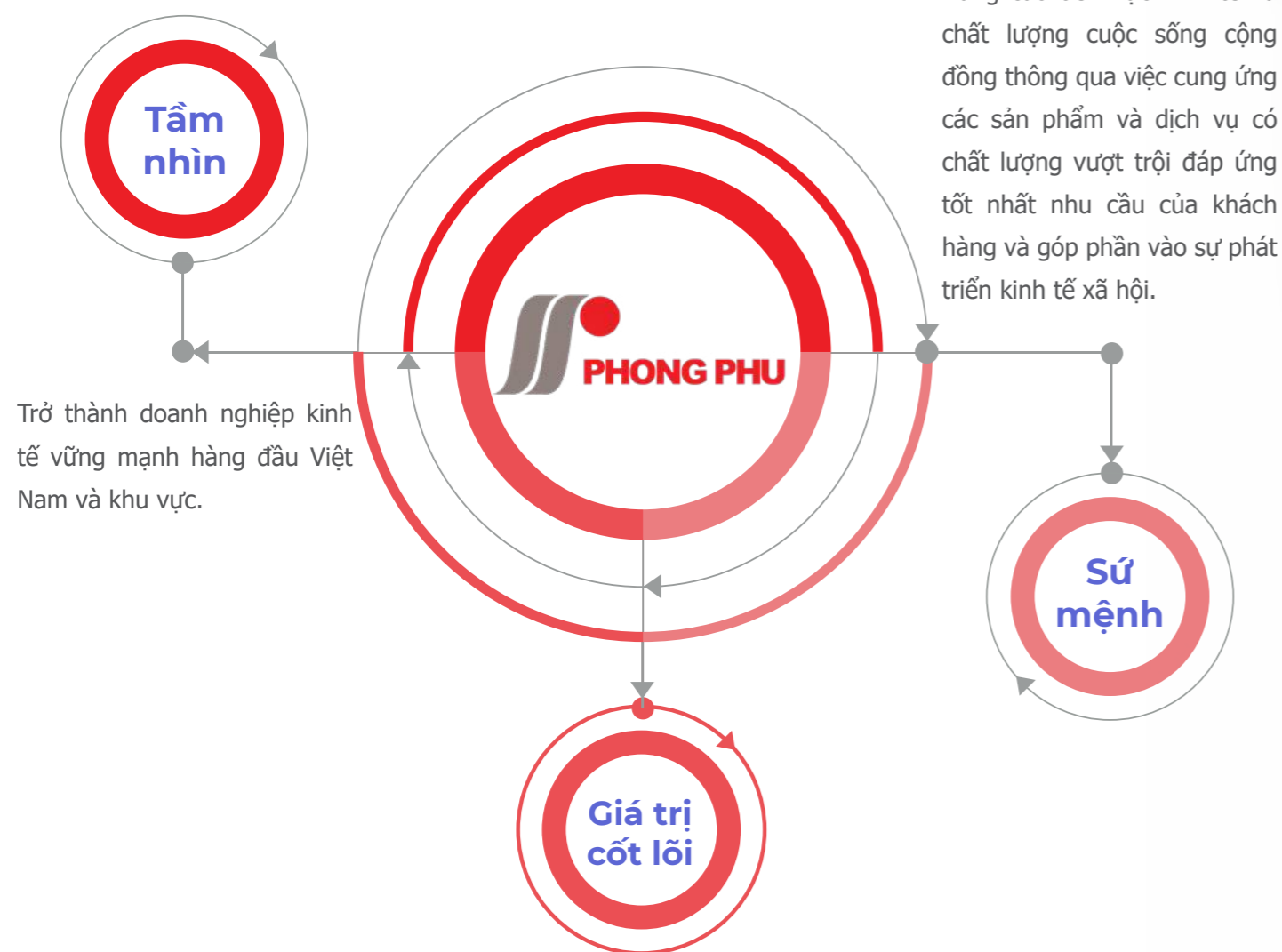
Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ: 328.478.661.966 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 44,02%

Định hướng phát triển

Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi



Nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng vượt trội đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Gia tăng giá trị và lợi ích của cổ đông, người lao động và đối tác, khách hàng.

Đoàn kết, có trách nhiệm.

Trình độ chuyên môn cao, trung thành, năng động, sáng tạo và kỹ năng tốt.



Định hướng phát triển (tiếp theo)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục giữ vững và phát triển 02 chuỗi cung ứng Sợi Chỉ May và Sản phẩm Gia Dụng (khăn bông và các sản phẩm tương tự).

Với ngành Sợi:

- Tiếp tục phân bổ nguồn lực hợp lý cho ngành Sợi Chỉ May;
- Tích cực chủ động cùng đối tác Coats cải tiến và phát triển thêm mặt hàng mới; Đa dạng các chủng loại sợi một có giá trị cao cung cấp cho Coats;
- Giữ vững vị thế là đơn vị duy nhất tại Việt Nam cung ứng sản phẩm sợi chỉ may cho Coats Việt Nam. Phấn đấu mở rộng thị trường cung ứng sợi chỉ may cho Coats khu vực và toàn cầu;
- Nghiên cứu tìm cơ hội gia nhập vào các chuỗi cung ứng mới để đầu tư phát triển;

Với ngành Gia Dụng:

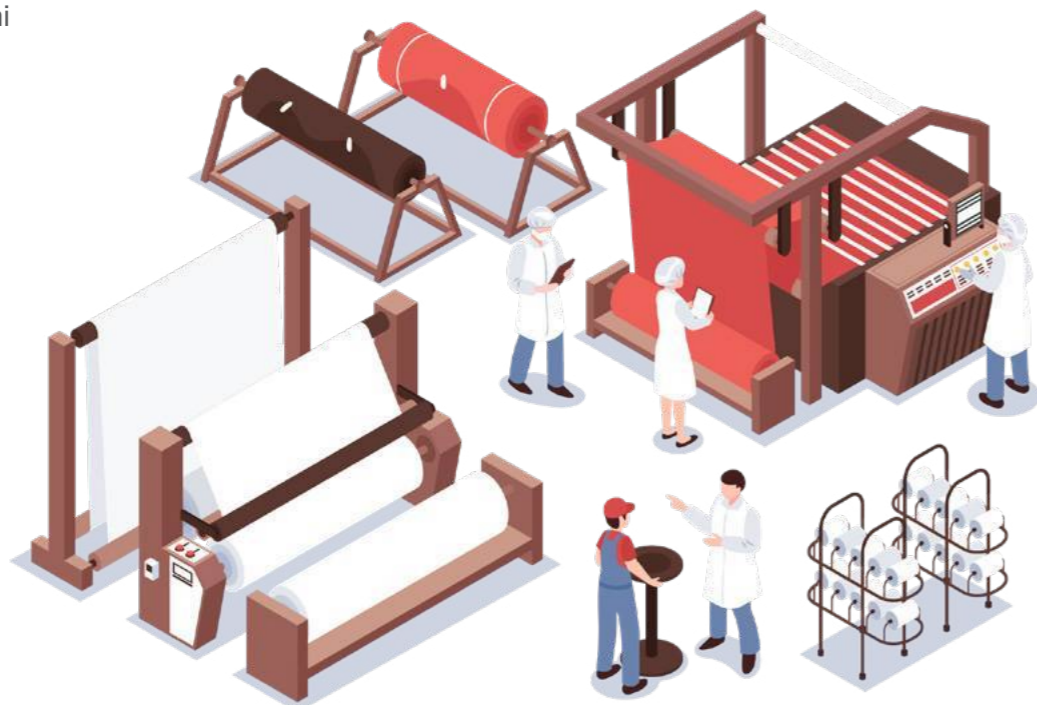
- Phát triển mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Tiếp tục củng cố các kênh bán hàng truyền thống, phát triển mới các kênh bán hàng kỹ thuật số; Có lộ trình hợp lý hóa sản xuất theo hướng tinh gọn, phù hợp xu thế, đáp ứng yêu cầu nhanh và giảm chi phí sản xuất;

Về chuẩn bị đội ngũ:

- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân lao động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới

Về phát huy tiềm lực sẵn có:

- Khai thác tối đa và có hiệu quả các nguồn lực tài chính, mặt bằng, kho bãi để tăng trưởng lợi nhuận và cơ hội phát triển trong tương lai



Phát triển bền vững với môi trường và xã hội

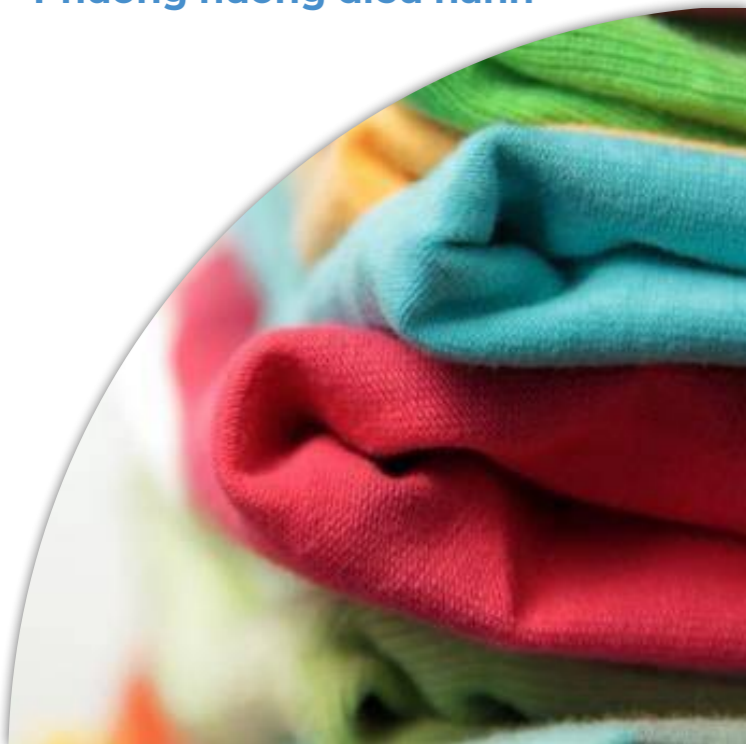
Xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay đang nhận được sự quan tâm trên toàn thế giới, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Phong Phú luôn hướng đến xu hướng phát triển sản xuất xanh, thân thiện với môi trường ở mức độ cao. Điều này không chỉ giúp Phong Phú xây dựng vững chắc vị thế cũng như là địa chỉ hàng đầu đối với các khách hàng khi tìm đến, mà còn góp phần bảo vệ môi trường, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Ngoài những vấn đề kinh doanh, môi trường, thì Phong Phú luôn chú ý đến chế độ lương thưởng, thù lao và chính sách xã hội để cải thiện đời sống vật chất của người lao động. Ngoài ra Phong Phú còn đề cao tình thân và tính đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên thông qua các hoạt động các hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội.



Định hướng phát triển (tiếp theo)

Phương hướng điều hành



Về nhân sự

Về kinh doanh

Về tài chính

Về quản trị hệ thống thông tin

Về quản trị sản xuất

Về nhân sự

Quản trị nhân sự là trọng tâm cốt lõi của quá trình phát triển đối với mỗi doanh nghiệp. Quản trị nhân sự bao gồm 02 yếu tố quan trọng nhất:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý;
- Xây dựng đội ngũ công nhân lao động.

Về tài chính

Năng động và linh hoạt trong việc tìm kiếm và sử dụng các nguồn vốn vay và các chương trình thanh toán trả chậm kết nối với Ngân hàng, với lãi suất ưu đãi cạnh tranh. Phong Phú sẽ cân đối vay ngoại tệ phù hợp để tiết giảm chi phí lãi vay. Tổng Công ty sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất để đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư khi thị trường phát triển mạnh.

Về Kinh doanh

Chiến lược của Tổng Công ty là tập trung khai thác thị trường mục tiêu sẵn có và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời gian tới. Đồng thời, Tổng công ty tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường thuộc các quốc gia tham gia Hiệp định thương mại với Việt Nam. Điều quan trọng là lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng hệ thống, chuỗi hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng.

Về quản trị hệ thống thông tin

- Hoàn thiện hệ thống quản lý số toàn diện, chuyển đổi số đồng bộ tổng thể cơ sở dữ liệu của Tổng Công ty.
- Nâng cấp hệ thống thông tin bằng cách đầu tư nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến, đảm bảo tính bảo mật cao cho hệ thống dữ liệu thông tin.
- Phát triển các phần mềm quản lý tiên tiến phù hợp với điều kiện hoạt động của Tổng Công ty để tối ưu thời gian và đảm bảo báo cáo kịp thời cho HĐQT/Ban Điều hành, các cơ quan liên quan và công bố thông tin

Về quản trị sản xuất

- Các đơn vị, nhóm kỹ thuật chuyên gia thường xuyên chủ động tiếp cận kết nối thông tin với khách hàng nhằm phát triển mặt hàng mới, các yêu cầu mới của khách hàng.
- Tăng cường kiểm soát các định mức: năng suất, chất lượng, lao động, tiêu hao nguyên - nhiên - vật - phụ liệu, các chi phí phát sinh khác, đầu vào, đầu ra...
- Không ngừng nghiên cứu cải tiến phương pháp sản xuất, áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro kinh tế

Ngày 5 tháng 12 năm 2022, Cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đã hạ dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu năm 2023 từ 1,7% xuống 1,4%. Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) dự báo, mức tăng trưởng toàn cầu vào năm 2022 vẫn giữ nguyên ở mức 3,2%. Những xung đột chính trị giữa các quốc gia như Nga – Ukraine, Trung Quốc – Đài Loan,... đã làm tắc nghẽn chuỗi cung ứng và đẩy giá nguyên vật liệu lên cao. Kèm vào đó là động thái tăng lãi suất của Cục dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) đã làm cho giá của đồng USD tăng lên mức cao kỷ lục, gây khó khăn cho tình hình tài chính của toàn cầu.

Trước những khó khăn của nền kinh tế thế giới, dưới sự điều hành của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ do Chính phủ đề ra. Theo báo cáo Chính phủ tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, kinh tế Việt Nam đã hồi phục mạnh mẽ, đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kinh tế đã đặt ra, với mức tăng trưởng GDP là 8,02%, lạm phát được duy trì nhỏ hơn 4%. Động lực tăng trưởng chính của kinh tế Việt Nam đến từ giai đoạn phục hồi kinh tế, sự nổi lỏng chính sách giữa các quốc gia sau đại dịch, thêm vào đó là chủ trương chính sách đầu tư công của Chính phủ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP theo đúng kế hoạch.

Tuy nhiên, theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2022, tình hình xuất

nhập khẩu ngành dệt may chững lại do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ lạm phát, chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách Zero – Covid từ Trung Quốc,... Trước những khó khăn đó, ngành dệt may Việt Nam vẫn giữ mức tăng trưởng tốt, ước đạt 42 tỷ USD, tăng 3,8% so với năm 2021. Dự báo trong năm 2023, nền kinh tế trong nước và thế giới còn gặp nhiều khó khăn và thách thức, ngành dệt may nói chung và Tổng Công ty nói riêng cần chuẩn bị những kế hoạch để tìm kiếm cơ hội tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn sắp tới.

Rủi ro tiền tệ

Năm 2022, Mỹ đã trải qua tình trạng lạm phát tăng lên kỷ lục trong vòng 40 năm qua. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất cơ bản tăng từ 0,25% lên 4,5% nhằm có thể kiểm soát lạm phát. Để có thể kiểm soát tỷ giá và kinh tế vĩ mô, nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới cũng đã tăng lãi suất theo, trong đó có Việt Nam. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã tăng lãi suất điều hành vào các tháng cuối năm, làm cho lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn trở về tương đương giai đoạn trước dịch. Do đó, các Ngân hàng thương mại trong nước cũng đã phải tăng lãi suất huy động và cho vay. Lãi suất và tỷ giá tăng cao gây áp lực chi phí tài chính cho hoạt động thương mại giữa Tổng Công ty và các đối tác trong hoạt động mua bán.

Rủi ro nguyên vật liệu

Ngành dệt may Việt Nam đang phụ thuộc 60 - 70% nguyên liệu đầu vào từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, Châu Phi và Hàn Quốc. Riêng Tổng Công ty đã phải nhập khẩu 95% nguyên liệu bông để sản xuất nên không tự chủ được nguyên vật liệu đầu vào sẽ gây khó khăn trong việc lên kế hoạch sản xuất của Tổng Công ty.

Với nguyên liệu đầu vào chính là bông cotton và xơ polyester, biến động giá những nguyên liệu này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận. Khi thị trường bông xơ biến động, khó để dự báo giá chính xác, việc mua hàng sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của ngành sợi nói riêng. Do đó, Tổng Công ty cần có nhiều kịch bản, kế hoạch phù hợp dựa trên diễn biến giá nguyên vật liệu để tìm kiếm sự chủ động về nguồn cung ứng.



Rủi ro bán hàng

Tình hình lạm phát gia tăng trên toàn cầu khiến cho sức mua của người dân giảm làm cho tình trạng hàng tồn kho tăng cao. Thực tế số lượng đơn đặt hàng trong quý 4 năm 2022 thấp hơn 25-50% so với quý 2 năm 2022, tương đương với mức giảm doanh thu 15-20%, các đơn hàng sụt giảm chủ yếu đến từ thị trường Mỹ, châu Âu bởi hai khu vực này đang chịu sức ép lạm phát lớn trong khi đây là hai khu vực xuất khẩu chính của ngành dệt may Việt Nam. Do đó, Tổng công ty cần điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và bán hàng để có thể thích ứng với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế thế giới.

Rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro chiến lược

Giai đoạn định hướng phát triển nhanh của ngành dệt may Việt Nam đã qua. Từ nay đến năm 2030, ngành dệt may chuyển dần trọng tâm sang phát triển bền vững, kinh doanh tuần hoàn. Những thị trường khó tính như Mỹ và châu Âu đang có xu hướng đưa ra chiến lược dệt may mới, trong đó có việc sẽ tính tỷ lệ tái chế và carbon, nhằm hướng đến việc bảo vệ môi trường. Những yêu cầu khắt khe đó đòi hỏi một sản phẩm vừa chất lượng cao vừa mang tính thân thiện với môi trường, khiến cho toàn ngành nói chung và Tổng Công ty nói riêng gặp áp lực đổi mới. Tổng Công ty cần phải tự nâng cao chất lượng sản phẩm và cải tiến công nghệ sản xuất nhằm thích ứng với những yêu cầu của thị trường chung. Tổng Công ty nên thận trọng khi đưa ra các quyết định mang tính chủ trương và chiến lược phát nhằm đảm bảo sự phát triển của Tổng Công ty.

Rủi ro khác

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm giảm khả năng sản xuất và dịch vụ, đặc biệt là hỏa hoạn. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành dệt may, một ngành có nhiều vật liệu dễ cháy, Công ty cần tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động để xảy ra cháy nổ. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng cần tổ chức tuyên truyền, tập huấn về PCCC cho các cán bộ và công nhân viên, nhằm có thể hạn chế tổn thất nếu hỏa hoạn xảy ra. Thêm vào đó, Tổng Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện phục hồi sau thiệt hại.

Rủi ro pháp luật

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật pháp Việt Nam, bao gồm Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Lao Động,... thông qua mô hình hoạt động là một công ty cổ phần giao dịch trên sàn UPCoM. Trong quá trình hoàn thiện dần, biến động chính trị là tất yếu và sẽ tác động ít nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động, và kế hoạch chiến lược dài hạn của Tổng Công ty. Do đó, doanh nghiệp luôn thường xuyên theo dõi, cập nhật những thay đổi của pháp luật để đưa ra các mục tiêu, biện pháp phù hợp, tránh làm xấu hình ảnh doanh nghiệp.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% TH2022/ KH2022	% TH2022/ TH2021
Doanh thu	2.073	2.260	2.228	98,59%	107,50%
Chi phí	1.728	1.880	1.749	93,27%	101,20%
Lợi nhuận trước thuế	344	380	480	126,21%	139,26%
Lợi nhuận sau thuế	343	370	477	128,92%	139,11%

Cơ cấu doanh thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2021	Giá trị năm 2022	%Năm 2022/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.657,4	1.745,5	105,31%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5,2)	(2,1)	40,38%
Lãi/ lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	342,3	406,5	118,76%
Doanh thu hoạt động tài chính	34,6	76,2	220,23%
Doanh thu khác	43,6	2,2	5,05%
Tổng cộng	2.072,7	2.228,2	107,50%



Nhận xét tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã tận dụng được đà phục hồi của nền kinh tế trong nước nên tổng doanh thu của Tổng Công ty đã đạt 2.228 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 7,5% so với năm 2021. Trong khi đó, tổng chi phí của Phong Phú là 1.749 tỷ tương ứng với mức tăng 1,2% so với năm 2021, đã giúp cho Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Tổng Công ty tăng mạnh. Sự tăng trưởng hiệu quả này do trong năm 2022, Tổng Công ty đã tích cực đầu tư mới máy móc thiết bị, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện chung của thế giới đang còn khó khăn. Bên cạnh đó, với cộng hưởng từ lợi nhuận của các Công ty con, Công ty liên kết và việc không phải trích lập dự phòng từ dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cũng góp phần làm lợi nhuận của Tổng Công ty tăng.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT
2	Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Minh Hương	Thành viên HĐQT
5	Bùi Thị Thu	Thành viên HĐQT

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Phạm Xuân Trinh	Ủy viên HĐQT	19/04/2019	20/05/2022
2	Phạm Phú Chung	Ủy viên HĐQT	20/05/2022	-



Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Trần Quang Nghị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Quang Nghị là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông được bầu vào HĐQT và giữ chức vụ chủ tịch HĐQT Phong Phú liên tục từ năm 2009 đến nay. Ông Trần Quang Nghị bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1980. Với thời gian hơn 40 năm làm việc không ngừng nghỉ, Ông đã có rất nhiều đóng góp quan trọng vào những thành công của Tổng Công ty CP Phong Phú. Ông đã giữ nhiều chức vụ chủ chốt như Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Tổng Giám đốc Phong Phú. Hiện Ông đang đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Coats Phong Phú và Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)



Ông Dương Khuê

Thành viên Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc

Ông Dương Khuê là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Dệt, Cử nhân quản lý xí nghiệp có thời gian công tác tại Phong Phú từ năm 1990, bắt đầu là cán bộ kỹ thuật. Ông được bầu vào HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú từ tháng 8/2020 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú từ tháng 10/2020 đến nay.

Ông là một nhà quản lý doanh nghiệp, từng giữ vai trò điều hành tại nhiều Công ty như Giám đốc nhà máy Sợi, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Sợi Chỉ May Phong Phú, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dệt May Miền Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú, Tổng Giám đốc các công ty như Hanosimex, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú.



Ông Phạm Phú Chung

Thành viên Hội đồng quản trị
Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Chung là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, kỹ sư cơ khí chế tạo, đã có thời gian gần 30 năm (từ năm 1992) với Phong Phú, bắt đầu từ Công nhân bảo trì máy sợi. Ông Chung được bầu vào HĐQT Phong Phú tháng 6/2022 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phong Phú từ ngày 7/10/2022 đến nay.

Ông Phạm Phú Chung có nhiều năm kinh nghiệm qua các chức vụ quản lý quan trọng như: Trợ lý Giám đốc nhà máy sợi, Trưởng phòng Kinh doanh - Tổng hợp - Pháp chế Tại Phong Phú, Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật/Phó Tổng giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH MTV Sợi Chỉ May Phong Phú, Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt Đông Nam; Hiện nay ông đang kiêm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Gia dụng Phong Phú.



Bà Phạm Minh Hương

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Phạm Minh Hương là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Tài chính, có thời gian gần 30 với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2001 bắt đầu là chuyên viên phát triển thị trường.

Bà Phạm Minh Hương được bầu vào HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2013. Bà Hương có nhiều năm kinh nghiệm ở các vai trò quản lý điều hành tại Phong Phú và các doanh nghiệp dệt may như: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú, Tổng Giám đốc Công ty CP XTTM & ĐT Phong Phú.



Bà Bùi Thị Thu

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Bùi Thị Thu là Thạc sĩ Quản trị điều hành, có thời gian gần 30 với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1979. Bà Bùi Thị Thu được bầu vào HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú từ ngày 19/04/2019 đến nay. Bà Thu có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Tổng Công ty, từng được bổ nhiệm giữ các vị trí quản lý quan trọng như Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc thường trực Tổng Công ty CP Phong Phú.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Liên Hữu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát

Thay đổi trong Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Tổng Công ty không có thay đổi trong Ban kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lệ có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà cũng đã gắn bó với Phong Phú từ năm 1997, bắt đầu từ chuyên viên kế toán, Kế toán Trưởng, Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ và được tín nhiệm bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2019. Bà tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng. Ngoài ra, Bà còn có các chứng chỉ như Chứng chỉ Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp; Chứng chỉ Giám đốc tài chính; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh thực nghiệm (EMBA); Chứng chỉ quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.



Bà Vũ Thị Thùy Dương

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Dương tốt nghiệp bằng Cử nhân kinh tế. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Kế toán. Từ năm 2011 đến nay, Bà Dương giữ các chức vụ như Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Chánh VP HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú. Trước đó, Bà từng là kế toán viên, chuyên viên Tài chính của Tập Đoàn Dệt May Việt Nam.



Bà Trần Liên Hữu

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Hữu trở thành Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2015. Bà cũng từng là kế toán tại Phong Phú nhiều năm. Hiện Bà Hữu đang kiêm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm trợ lý Tổng giám đốc tại Công ty CP Dệt Đông Nam. Bà có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà có bằng Cử nhân kinh tế - Tài chính kế toán các ngành sản xuất; cử nhân kinh tế - Quản trị Kinh doanh; Chứng chỉ Giám đốc Điều hành.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc
4	Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Văn Nhiệm	Giám Đốc điều hành
7	Đoàn Kiên	Giám Đốc điều hành
8	Trương Thị Ngọc Phượng	Giám Đốc điều hành, Kế toán trưởng

Thay đổi trong Ban điều hành

STT	Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc	15/7/2022	-
2	Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành	15/7/2022	-
3	Phạm Phú Chung	Phó Tổng Giám đốc	07/10/2022	-
4	Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	07/10/2022	-

Lý lịch Ban điều hành

Ông Dương Khuê

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Phạm Phú Chung

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị



Bà Lê Thị Hoàng Trang

Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/07/2022. Trình độ chuyên môn là cử nhân Luật, chứng chỉ đào tạo về giám đốc nhân sự, giám đốc điều hành, Bà Lê Thị Hoàng Trang có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1995, trưởng thành từ nhà máy dệt. Là người có năng lực, nhiệt huyết và tinh thần học hỏi bổ sung kiến thức chuyên môn và thực tiễn không mệt mỏi, Bà Trang đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác kiện toàn nhân sự, công tác Đảng và Đoàn thể tại Tổng Công ty CP Phong Phú. Bà Trang từng giữ các chức vụ: Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch công đoàn, Phó Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty CP Phong Phú, Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Chức vụ hiện tại: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông Lý Anh Tài

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lý Anh Tài là Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ Sư Cơ Khí Chế tạo, có thời gian công tác gắn bó tại Phong Phú từ năm 1996 với vị trí đầu tiên là cán bộ kỹ thuật. Ông Lý Anh Tài được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phong Phú ngày 07/10/2022 đến nay.

Ông Tài có nhiều kinh nghiệm quản lý và từng được giao giữ các chức vụ quản lý quan trọng như: Phó Giám đốc NM SCM, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sợi chỉ may Phong Phú, Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt May Nha Trang, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)



Bà Trương Thị Ngọc Phượng

Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Ngọc Phượng là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, có thời gian công tác gần 30 năm tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1996 trong lĩnh vực tài chính kế toán qua quá trình cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động Tổng Công ty. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/7/2022 đến nay.

Với kinh nghiệm và năng lực chuyên môn, Bà Phượng đã được bổ nhiệm giữ các vị trí quản lý quan trọng như: Trợ lý - Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Kế toán Trưởng, Giám đốc Tài chính Tổng Công ty CP Phong Phú, Tổng Giám đốc Công ty CP LSS. Hiện Bà Phượng đang tham gia HĐQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú và tham gia Ban Kiểm soát tại một số Công ty liên kết của Phong Phú.



Ông Đoàn Kiên

Giám đốc điều hành

Ông Đoàn Kiên là Thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt - May, Kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Hà Nội, có thời gian công tác gần 18 năm tại Phong Phú và các đơn vị trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trước khi được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Phong Phú từ tháng 4/2021 đến nay, Ông đã trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau như Phó phòng KTĐT, Trưởng Phòng Tổng Hợp Pháp chế Tổng Công ty CP Phong Phú, Phó Ban Đầu tư Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Trợ lý Tổng Giám đốc và Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông Nguyễn Văn Nhiệm

Giám đốc điều hành

Ông Nguyễn Văn Nhiệm là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh công tác tại Phong Phú từ 10/1989. Ông Nhiệm được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Điều hành Phong Phú từ năm 2015 đến nay.

Ông Nhiệm có nhiều kinh nghiệm qua các vị trí quản lý như Trưởng phòng Kinh Doanh Xuất Khẩu, Giám đốc Điều hành Hệ thống Sản Xuất Gia dụng, Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt Gia dụng Phong Phú. Hiện Ông đang kiêm giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT công ty CP Gia Dụng Phong Phú.

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Tình hình cán bộ nhân viên

Tình hình nhân sự

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	532	100%
Đại học, trên Đại học	60	11,28%
Trình độ Cao đẳng	32	6,02%
Trình độ Trung cấp	52	9,77%
Công nhân kỹ thuật	40	7,52%
Lao động phổ thông	348	65,41%
Theo tính chất hợp đồng lao động	532	100,00%
Ngắn hạn dưới 1 năm	20	3,76%
Có xác định thời hạn	512	96,24%
Không xác định thời hạn	-	-
Theo giới tính	532	100,00%
Nam	297	55,83%
Nữ	235	44,17%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động	519	437	532
Thu nhập bình quân đồng/người/tháng	8.610.000	9.740.000	10.820.000



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Chính sách đối với Người lao động

Tuyển dụng

Tổng Công ty tuyển dụng theo nguyên tắc minh bạch – công bằng. Tổng Công ty tuyển dụng tùy theo yêu cầu của từng vị trí với các trình độ yêu cầu khác nhau. Ngoài ra, Tổng Công ty còn đăng tải các thông tin tuyển dụng trên Website, nhằm tìm người phù hợp với, gắn bó lâu dài với Tổng Công ty.

Lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Người lao động được ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài nhận lương theo định kỳ hàng tháng, Tổng Công ty còn phát thưởng định kỳ cũng như đột xuất. Chính sách thưởng của Tổng Công ty bao gồm: thưởng định kỳ (quý, năm) và thưởng đột xuất nhằm tôn vinh những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nổi bật, góp phần vào sự phát triển chung của Tổng Công ty. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ lao động và khám sức khỏe cho người lao động làm công việc nặng nhọc.

Môi trường làm việc

Tổng Công ty luôn sắp xếp thời gian làm việc đúng quy định và đảm bảo kịp thời và đầy đủ các quyền lợi, lương thưởng và phúc lợi cho người lao động. Ngoài ra, Tổng Công ty còn tổ chức bữa ăn phục vụ các bữa ăn giữa ca, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và chuyên nghiệp. Tổng Công ty cũng chú ý tổ chức các hoạt động giải trí và đoàn thể nhằm giải tỏa căng thẳng và tăng tính đoàn kết giữa những người lao động và Tổng Công ty.

Đào tạo

Dệt may là một trong những ngành thâm dụng lao động cao. Do đó Tổng Công ty luôn chú ý đến chất lượng và tay nghề của người lao động. Thông qua các lớp đào tạo, Tổng Công ty tổ chức bồi dưỡng cho người lao động nâng cao tay nghề, hướng dẫn sử dụng vận hành các loại máy móc thiết bị công nghệ mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Tổng Công ty.



Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính tại Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Công ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú	1.007.847	53.432	50.778

Công ty liên kết

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Công ty CP May Đà Lạt	62.480	2.312	1.850
Công ty TNHH Coats Phong Phú	5.126.201	1.762.220	1.408.895
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	11.143	(3.034)	(3.034)
Công ty CP PT Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	20.939	10.120	10.120
Công ty CP dệt may Nha Trang	751.243	1.693	1.503

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2022, Tổng Công ty không có các khoản đầu tư lớn



Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	3.578,3	3.307,1	92,42%
Doanh thu thuần	1.652,1	1.743,4	105,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	375,2	479,3	127,75%
Lợi nhuận khác	(30,9)	0,4	-
Lợi nhuận trước thuế	344,4	479,6	139,26%
Lợi nhuận sau thuế	342,9	477,0	139,11%



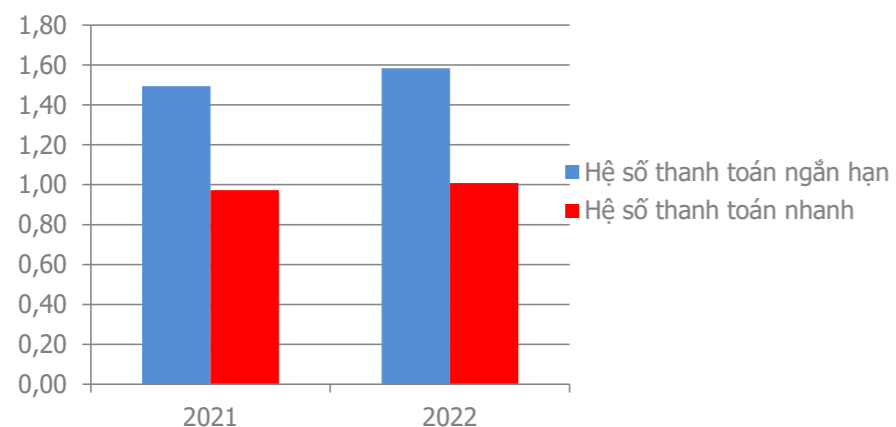
Chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,49	1,58
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,97	1,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,54	0,46
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,15	0,85
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,48	2,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,45	0,51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,75%	27,36%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,83%	27,66%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,32%	13,85%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	22,71%	27,49%



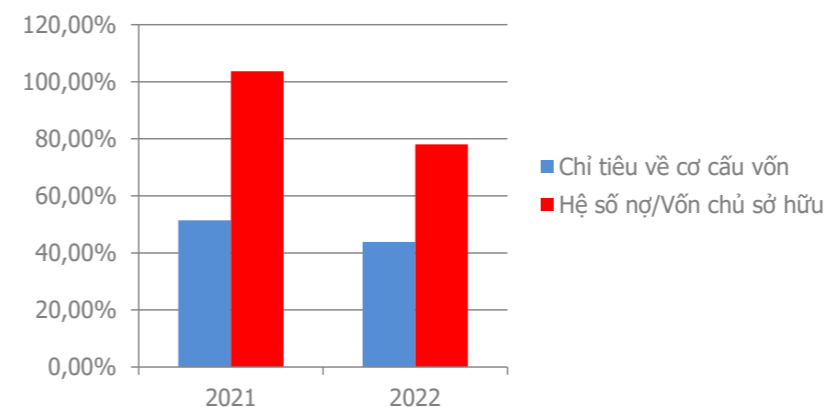
Nhận xét các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



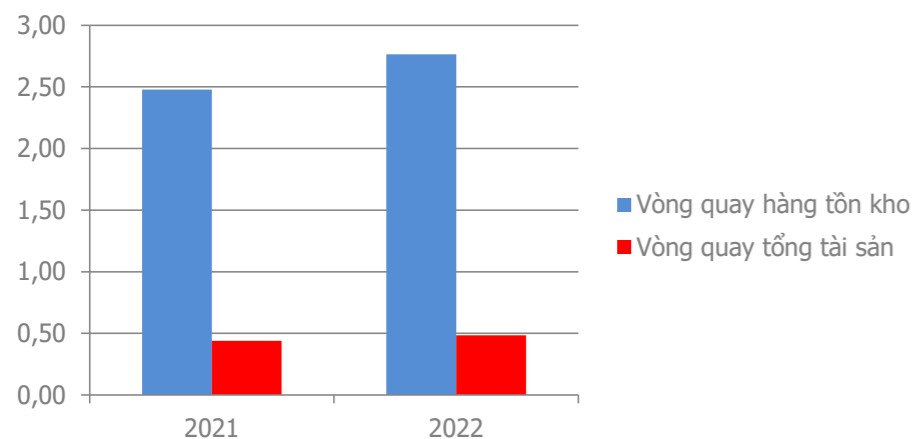
Nhìn chung trong năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Tổng Công ty đã tăng lên so với năm 2021, với hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,49 lên 1,58, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,97 lên 1,01.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty đã giảm ở năm 2022 khi so với năm 2021 và các hệ số này đang duy trì xu hướng giảm kể từ năm 2017. Hai hệ số này giảm chủ yếu là do nợ phải trả của Phong Phú đã giảm từ mức 1.917,0 tỷ vào năm 2021 xuống còn 1.519,4 tỷ vào năm 2022. Trong đó, các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2022 đều giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

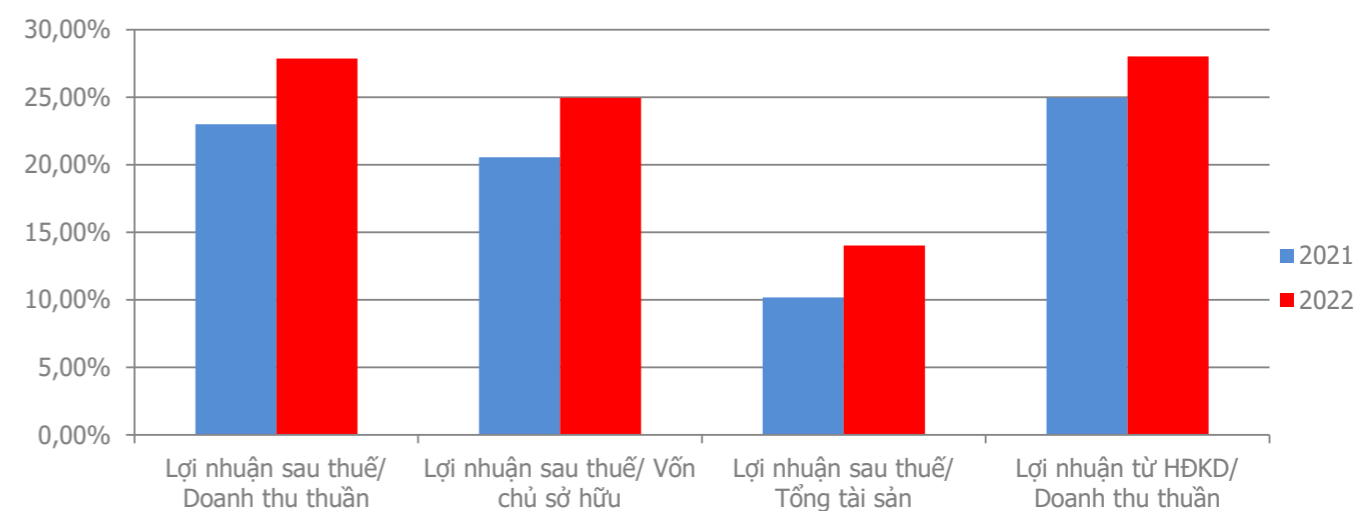


Vòng quay hàng tồn kho của Tổng Công ty đã tăng từ mức 2,48 vòng năm từ năm 2021 lên 2,77 vòng vào năm 2022. Hệ số này tăng lên là do giá vốn hàng bán của Tổng Công ty trong năm 2022 đã tăng thêm 29,8 tỷ so với năm 2021, và hàng tồn kho của Tổng Công ty đã giảm 49,5 tỷ ở năm 2022 so với năm 2021.

Vòng quay tổng tài sản của Tổng

Công ty đã tăng lên 0,51 vòng trong năm 2022 từ mức 0,45 vòng ở năm 2021. Phong Phú đã tận dụng được giai đoạn phục hồi của nền kinh tế nên doanh thu thuần đã tăng lên mức 1.743,4 tỷ đồng ở năm 2022 từ mức 1.652,4 tỷ đồng ở năm 2021.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2022, sau thời gian phục hồi do dịch bệnh, các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty dần đi vào ổn định, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Tổng Công ty tăng so với năm 2021. Từ đó, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng Công ty đều tăng so với năm 2021.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 74.670.891

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.670.891

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	37.408.796	374.087.960.000	50,1%
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	13.790.597	137.905.970.000	18,47%
1	Trong nước	13.790.597	137.905.970.000	18,47%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	23.471.498	234.714.980.000	31,43%
1	Trong nước	23.471.498	234.714.980.000	31,43%
2	Nước ngoài	-	-	-
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		74.670.891	746.708.910.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	37.408.796	50,1%
2	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Bất động sản Dương Trần	7.334.526	9,8%
3	Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	6.456.071	8,6%

Danh sách cổ đông là người nội bộ

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị			
Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	200.000	0,27%
Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	166.494	0,22%
Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	29.619	0,04%
Phạm Minh Hương	Thành viên HĐQT	245.655	0,33%
Bùi Thị Thu	Thành viên HĐQT	242.727	0,33%
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng Ban kiểm soát	41.327	0,055%
Trần Liên Hữu	Thành viên Ban kiểm soát	7.561	0,01%
Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát	3.000	0%
Ban điều hành			
Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	166.494	0,22%
Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	29.619	0,04%
Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc	25.410	0,03%
Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	62.507	0,08%
Nguyễn Văn Nhiệm	Giám Đốc điều hành	70.000	0,094%
Đoàn Kiên	Giám Đốc điều hành	-	-
Trương Thị Ngọc Phượng	Giám Đốc điều hành, Kế toán trưởng	89.665	0,12%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm 2022 vừa qua, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ của Tổng Công ty hiện ở mức 746.708.910.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2022.

Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2022.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Tác động lên môi trường

Dệt may không chỉ là ngành thâm dụng sức lao động mà còn sử dụng các năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào khác để hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong năm 2022 vừa qua, các nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Tổng Công ty hầu hết là các nguyên liệu đến từ tự nhiên như Bông cotton và xơ Polyester. Qua quá trình sản xuất, thiết kế và cải tiến, các sản phẩm đến tay người tiêu dùng hoàn toàn thân thiện với môi trường, bền bỉ trong quá trình sử dụng và dễ dàng phân hủy ngoài tự nhiên.

Tổng công ty cũng ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận để phát triển mảng năng lượng tái tạo nhằm đáp ứng tiêu chí sản xuất xanh, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải chất thải...



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty (tiếp theo)

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hạng mục	ĐVT	Tổng số lượng	Số lượng tái sử dụng	Số lượng vật liệu tái chế	% Tái sử dụng	Ghi chú
Vật liệu						
Bao PP	Cái	3.750	-	-	0,00%	-
Thùng Carton	Cái	8.954	-	-	0,00%	-
Tấm lót thùng	Cái	9.854	-	-	0,00%	-
Tấm lót 13 lớp KT 780 x 1092mm	Tấm	148.330	133.210	-	89,81%	-
Tem sợi	Cái	4.495.900	-	-	0,00%	-
Bao xốp	Kg	3.636	1.234	-	33,94%	-
Cone giấy	Cái	47.500	10.000	-	21,05%	-
Cone nhựa	Cái	1.895.062	1.895.062	-	100,00%	Lướt sử dụng
Đai nẹp thùng	Kg	1.500	-	-	0,00%	-
Dây nylon	Kg	50	-	-	0,00%	-
Lõi nhựa nhuộm sợi	Cái	4.494.100	-	-	0,00%	-
Màng PE 500 mm 16kg/cuộn	Cuộn	855	-	-	0,00%	-
Nguyên liệu						
Xơ Polyester	Kg	3.060.844	-	192.249	6,28%	-
Sợi filament	Kg	2.010.256	-	687.212	34,19%	-

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty (tiếp theo)

Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2022, Tổng Công ty CP Phong Phú và Công ty TNHH Coro Renewables Việt Nam (Coro Renewables Việt Nam) đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận. Theo thỏa thuận, dự án có công suất 2,884 kwp, với sản lượng điện được sản xuất hàng năm dự kiến khoảng 4,2 triệu KWh/năm. Điều này không chỉ tiết kiệm chi phí sử dụng điện làm tăng biên lợi nhuận của Tổng Công ty mà còn giúp giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng thương hiệu “xanh”, giảm nguy cơ thiếu điện ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sản xuất. Tổng Công ty cũng sử dụng các loại đèn chiếu sáng sử dụng ít năng lượng nhưng lại mang hiệu quả chiếu sáng vừa đủ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổng Công ty quan niệm rằng một doanh nghiệp lớn mạnh thì không chỉ mang lại lợi ích tối đa cho các Cổ đông mà còn phải thể hiện giá trị tốt đẹp của mình đối với các cộng đồng địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Thông qua các hoạt động như từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho các gia cảnh khó khăn trong Tổng Công ty và ngoài cộng đồng địa phương nhằm thể hiện trách nhiệm của Tổng Công ty. Các hoạt động cụ thể: tài trợ kinh phí mua vắc-xin Covid-19, tài trợ xây cầu tại Long An, tặng sản phẩm gồm khăn, quần áo cho người dân bị ảnh hưởng bão lụt tại Quảng Trị, phối hợp với Công đoàn Dệt May và Bệnh viện Chợ Rẫy tổ chức khám sức khỏe cho người dân ở Bạc Liêu...

Tiêu thụ nước

Nước cũng là một trong những yếu tố lớn để giúp cho Tổng Công ty hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung. Tổng Công ty đã chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm khắc phục tình trạng rò rỉ nước, qua đó hạn chế được nguồn nước thất thoát. Tổng Công ty cũng đã lắp đặt các thiết bị vòi xịt thông minh nhằm có thể kiểm soát lượng nước được sử dụng.





3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã trải qua giai đoạn dịch bệnh đầy khó khăn. Sang năm 2022, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành dệt may nói riêng thể hiện sự phục hồi đáng kể sau giai đoạn dịch bệnh. Tuy nhiên, vào giai đoạn những tháng cuối năm 2022, tình trạng suy giảm đơn đặt hàng từ các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ và châu Âu đã gây khó khăn chung cho toàn ngành dệt may nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Ngoài ra, những thị trường trên thế giới đang có xu hướng đưa ra chiến lược dệt may thân thiện với môi trường những vẫn phải đảm bảo chất lượng của sản phẩm khiến cho Tổng Công ty gặp áp lực đổi mới, cải tiến về công nghệ nhằm đáp ứng những yêu cầu mới được đặt ra.

Thuận lợi

Với vị thế là một Tổng Công ty có hơn 50 năm tuổi kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dệt may, Phong Phú đã thể hiện được vai trò của người tiên phong trong ngành dệt may. Không chỉ đổi mới về công nghệ trong sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, mà Tổng Công ty còn sở hữu nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may. Trong khi những khó khăn xuất phát từ thị trường thế giới, thì thị trường nội địa vẫn còn rất nhiều tiềm năng để khai thác. Do đó, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể tự tin đương đầu với những khó khăn trong năm 2022 và có thể kéo dài sang năm 2023 với mục tiêu là tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông và thể hiện những trách nhiệm của mình đối với người lao động trong Tổng Công ty, xã hội.

Những tiến bộ đã đạt được

Đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và 2021 được xem là cuộc khủng hoảng chưa từng có tiền lệ không chỉ với riêng Tổng Công ty CP Phong Phú mà còn với cả các doanh nghiệp khác. Năm 2022 vẫn là một năm khó khăn do chịu ảnh hưởng từ hệ quả của đại dịch covid-19. Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu trong năm 2022 là: ổn định (ổn định việc làm cho người lao động, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh), phục hồi và bứt phá (tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, phát triển thị trường). Vì vậy, Phong Phú đã nỗ lực không ngừng vì sự phát triển bền vững, đó là: kiên định với mục tiêu, quản trị thông minh, số hóa dữ liệu quản lý, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, cập nhật công nghệ, khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của Tổng Công ty.



Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Tình hình tài sản (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	1.480,0	39,69%	1.269,8	38,40%	85,80%
Tài sản dài hạn	2.098,3	60,31%	2.037,3	61,60%	97,09%
Tổng tài sản	3.578,3	100,00%	3.307,1	100,00%	92,42%

Năm 2022, Tổng tài sản của Tổng Công ty đã giảm xuống 3.307,1 tỷ đồng từ mức 3.578,3 tỷ đồng ở năm 2021. Các khoản phải thu ngắn hạn trong phần ngắn hạn trong năm 2022 đã giảm từ mức 873,3 tỷ đồng vào năm 2021 xuống còn 461,1 tỷ đồng vào năm 2022, nguyên nhân là do Tổng Công ty đã xử lý và thu hồi nợ ngắn hạn và ít phát sinh thêm trong năm 2022. Tài sản dài hạn của Tổng Công ty không có quá nhiều biến động trong năm 2022, giảm nhẹ khoảng 2,90% so với năm 2021.

Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Nợ ngắn hạn	990,5	51,67%	802,2	52,80%	81,0%
Nợ dài hạn	926,6	48,33%	717,2	47,20%	77,40%
Tổng nợ phải trả	1.917,1	100,00%	1.519,4	100,00%	79,26%

Nợ phải trả của Tổng Công ty đã giảm từ mức 1.917,1 tỷ đồng ở năm 2021 xuống còn 1.519,4 tỷ đồng vào năm 2022. Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn của Tổng Công ty đều giảm trong năm 2022. Nợ ngắn hạn giảm do Tổng Công ty đã giảm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, phải trả người bán ngắn hạn so với năm 2021. Trong năm 2022, Tổng Công ty đã giảm vay từ các ngân hàng thương mại giúp cho vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty đã giảm xuống 294,4 tỷ đồng từ mức 451,6 tỷ đồng ở năm 2021. Khoản phải trả người bán ngắn hạn của Tổng Công ty đã giảm từ 314,3 tỷ đồng vào năm 2021 xuống còn 178,2 tỷ đồng vào năm 2022, với phần lớn hợp đồng mua hàng và các khoản nợ ngắn hạn phát sinh đã được thanh toán. Nợ dài hạn giảm trong năm 2022 chủ yếu là do Tổng Công ty đã giảm vay nợ dài hạn nhằm giảm thiểu chi phí tài chính do lãi suất tăng cao.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Tổng Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2023 vẫn là 1 năm cơ hội đan xen thách thức do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hậu quả của nó cùng diễn biến phức tạp của tình hình an ninh và chính trị Thế Giới. Tổng Công ty sẽ có nhiều kịch bản duy trì lực lượng sản xuất, duy trì khách hàng, tiếp tục phục hồi sản xuất và thị trường, luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thực tế để điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm nâng cao nội lực và lợi ích của cổ đông. Ban Điều hành Tổng Công ty xây dựng mục tiêu cho năm 2023 là phấn đấu giữ vững mức phát triển ổn định, lâu dài của Tổng Công ty.

Các chỉ tiêu cho kế hoạch kinh doanh (hợp nhất) năm 2023 được đặt ra như sau

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH2023/TH2022
1	Tổng Doanh thu	2.228,2	2.250	100,98%
2	Chi phí	1748,6	1.850	105,80%
3	Lợi nhuận trước thuế	479,6	400	83,40%
4	Lợi nhuận sau thuế	477,0	397	83,23%

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với các ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

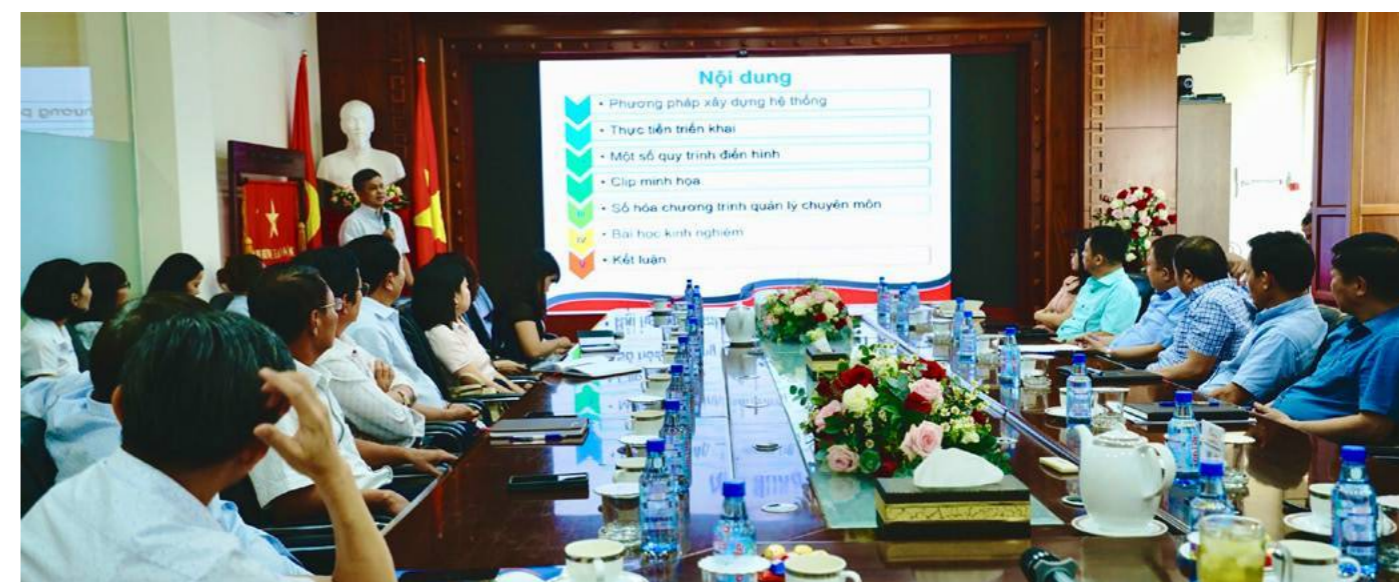
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc thấy các hoạt động liên quan đến môi trường của Tổng Công ty đúng với kế hoạch mà Ban Tổng Giám đốc đề ra, hoạt động theo đúng quy định, chủ trương của Chính phủ và phù hợp với xu hướng của thế giới hiện tại. Các hoạt động liên quan đến việc kiểm tra, xử lý nước thải cũng được chúng tôi nhận định rằng là làm đúng theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty đã thực hiện ký kết cũng như triển khai lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời vào trong quá trình sản xuất kinh doanh, góp phần bảo vệ môi trường.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Phong Phú đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với là cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, cá nhân gặp khó khăn không chỉ thể hiện một hình ảnh tốt đẹp của chính Tổng công ty mà còn mang ý nghĩa san sẻ khó khăn cho họ. Ngoài thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, Tổng công ty còn tổ chức các buổi hội thảo để cập nhật thêm kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ của người lao động và chia sẻ kiến thức từ cộng đồng Dệt may Việt Nam.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi thấy rằng các hoạt động liên quan đến chính sách đối với người lao động là tốt. Tổng công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn, môi trường lành mạnh cho các công nhân viên và người lao động. Chúng tôi đánh giá các hoạt động về tuyển dụng của Tổng công ty đáp ứng đầy đủ các yếu tố đầu vào và các hoạt động liên quan đến đào tạo, bổ sung kiến thức cho người lao động là kịp thời và chu đáo. Tổng Công ty còn thực hiện quan sát trong quá trình hoạt động của người lao động để đánh giá, xem xét và đề cử với những vị trí cao hơn nếu họ có thể đáp ứng đầy đủ phẩm chất và năng lực. Ngoài ra các vấn đề liên quan đến quyền lợi như lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách lao động, bảo hiểm y tế,... cũng được chúng tôi đặc biệt quan tâm.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Thuận lợi

Dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, tiến độ tiêm vắc xin Covid-19 được đẩy nhanh đảm bảo an toàn, khoa học và hiệu quả. Năm 2022 là một năm kinh tế trong nước phục hồi, mức tăng trưởng cao trên 8%, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng vốn có.

Để nhanh chóng phục hồi nền kinh tế, Chính phủ đã triển khai tích cực các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện hàng loạt chính sách hỗ trợ, củng cố năng lực phục hồi cho doanh nghiệp, trong đó có các chính sách miễn giảm thuế, phí....

Trước đà phục hồi kinh tế trong nước nhanh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cũng tăng theo. Bên cạnh đó, tác động của giá nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới đã đẩy giá thành sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng cao. Chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu năm 2022 tăng so với năm 2021.

Tại Phong Phú:

Trải qua gần 60 năm hình thành và phát triển, Phong Phú đã trở thành một doanh nghiệp lớn sở hữu nhiều thương hiệu uy tín như khăn bông Molliss...

Mặc dù bị ảnh hưởng khá nặng nề từ hệ quả của đại dịch COVID-19, năm 2022 Tổng Công ty vẫn giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh thu chính từ sản xuất kinh doanh sợi chỉ may, khăn bông gia dụng và các hoạt động đầu tư tài chính. Các ưu thế vẫn được phát huy:

- Phong Phú là nhà sản xuất duy nhất tại Việt Nam cung cấp các loại sợi chỉ may cho hệ thống chỉ may COATS toàn cầu;
- Phong Phú là nhà cung cấp các sản phẩm khăn bông cho người dùng trong nước thông qua các hệ thống bán lẻ uy tín như Co.opmark, Go, Win+, Sattra, Mega..., các nền tảng online và xuất khẩu cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ,... Phong Phú có đội ngũ CBCNV đã gắn bó với Phong Phú ổn định, lâu dài, giàu kinh nghiệm và yêu nghề.
- Các cổ đông, nhà đầu tư luôn chia sẻ tin tưởng, đồng lòng, thống nhất cao với chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty.

Khó khăn

Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn tiếp tục diễn biến khó lường. Các tổ chức y tế thế giới tiếp tục cảnh báo về sự lưu hành của hơn 500 biến thể phụ của Omicron. Tại Trung Quốc vẫn áp dụng chính sách "Zero Covid", phong tỏa cục bộ và hạn chế đi lại tại nhiều vùng, địa phương.

Kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã có nhiều giải pháp linh hoạt, quyết liệt để vượt qua những khó khăn, Phong Phú với các nền tảng truyền thống và sự đoàn kết, trên dưới một lòng, cùng với sự hỗ trợ chia sẻ của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn Tập đoàn Dệt May Việt Nam nên Phong Phú đã vượt qua giai đoạn khó khăn này.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc có trình độ từ đại học trở lên và đa số đã có bằng Thạc sĩ, được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp. Có sự hài hòa về chuyên ngành sợi dệt, kinh nghiệm, am hiểu sâu về qui trình công nghệ và các chuyên ngành tài chính, nhân sự, quản trị kinh doanh....

Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị hàng quý theo đúng quy định của Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý cấp trung.

Năm 2022 vẫn là một năm khó khăn do chịu ảnh hưởng từ hệ quả của đại dịch covid-19. Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu trong năm 2022 là: ổn định (ổn định việc làm cho người lao động, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh), phục hồi và bứt phá (tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, phát triển thị trường). Vì vậy, Phong Phú đã nỗ lực không ngừng vì sự phát triển bền vững, đó là: kiên định với mục tiêu, quản trị thông minh, số hóa dữ liệu quản lý, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, cập nhật công nghệ, khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của Tổng Công ty.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2023 đảm bảo mục tiêu phấn đấu là “phát triển bền vững, đổi mới thích ứng và hiệu quả vượt trội” với các kế hoạch, định hướng sau:

- Triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí,... trong đó có xác định sự trì trệ không quyết tâm quyết liệt cũng là lãng phí cơ hội và tốc độ tăng trưởng.
- Hoàn thiện công tác tái cấu trúc hệ thống tổ chức theo định hướng và kế hoạch đã đề ra.
- Tập trung công tác lập quy hoạch, kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm có hiệu quả tốt.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống rủi ro khách quan và chủ quan, chống tham nhũng, lãng phí, trì trệ ảnh hưởng đến kết quả, tốc độ tăng trưởng và sức khỏe của doanh nghiệp.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty. Từ cơ sở này, Hội đồng quản trị Tổng Công ty có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các công tác tổ chức, quản lý điều hành, xúc tiến đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.
- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty đều được Ban Tổng Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.
- Hội đồng quản trị cũng tham gia các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, các buổi Hội thảo, Hội nghị, các cuộc họp, cuộc gặp mặt quan trọng với các Cơ quan, Ban, Ngành hữu quan, với các đối tác liên quan khi có các vấn đề quan trọng.
- Theo cơ cấu tổ chức hiện tại, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chỉ đạo Phòng Hành Chính Tổng hợp Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng quản trị (chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị). Phòng Hành Chính Tổng hợp đã theo dõi và tổ chức, lập biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Hội nghị sơ kết, tổng kết...Cung cấp, công bố thông tin các nội dung liên quan đúng theo quy định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	58/58	100%	-
2	Ông Phạm Xuân Trình	20/58	34,5%	Thôi tham gia HĐQT từ ngày 20/02/2022
3	Ông Dương Khuê	58/58	100%	-
4	Bà Phạm Minh Hương	58/58	100%	-
5	Bà Bùi Thị Thu	58/58	100%	-
6	Ông Phạm Phú Chung	38/58	65,52%	Bầu vào HĐQT từ 20/05/2022

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/NQ-HĐQT	10/01/2022	Thông qua ủy quyền của HĐQT trong việc ký kết và thực hiện các HĐ/ giao dịch giữa Tổng Công ty CP Phong Phú với các bên có liên quan theo điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.
2	13/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Thông qua công tác nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP phát triển nhà Phong Phú-Deawon-Thủ Đức
3	574/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Tạm ứng cổ tức 2021 (10%)
4	87/NQ-HĐQT	22/03/2022	Phê duyệt đầu tư bổ sung thiết bị cho ngành Sợi và trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động tại nhà máy Sợi Ninh Phú
5	82A/NQ-HĐQT	24/03/2022	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN.HCM (200 tỷ đồng)
6	90A/NQ-HĐQT	01/04/2022	Thông qua Dự án hợp tác sản xuất và tiêu thụ Điện mặt trời giữa Tổng Công ty CP Phong Phú và Công Ty TNHH Coro Renewables Việt Nam
7	94/NQ-HĐQT	04/04/2022	Thông nhất KH ĐHCĐ thường niên năm 2022
8	110/NQ-HĐQT	20/04/2022	Thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty CP Phong Phú tại Công ty CP TMDV Thuận Phú
9	111/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty CP Phong Phú tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô
10	112/NQ- HĐQT	22/04/2022	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN.HCM (200 tỷ đồng)
11	122A/NQ- HĐQT	29/04/2022	Thông nhất KH tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022, các tài liệu trình ĐH
12	125a/QĐ- HĐQT	03/05/2022	Thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Hà Nội từ anh Đinh Hồng Tiến sang anh Nguyễn Chí Dũng
13	142/QĐ-HĐQT	24/05/2022	Thông nhất KH trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ còn lại) theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022
14	168/NQ- HĐQT	15/06/2022	Thông nhất chủ trương đầu tư thay thế thiết bị tại công đoạn đánh ống nhà máy SCM theo tờ trình 1205/TTr-PP ngày 12/5/2022 của Ban TGD và báo cáo phương án đầu tư (đính kèm)
15	171A/NQ-HĐQT	18/06/2022	Thông nhất kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án
16	190/NQ- HĐQT	04/07/2022	Thông nhất KH lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
17	203A/QĐ- HĐQT	15/07/2022	Thông nhất giải thể Phòng Kiểm soát nội bộ và điều chuyển toàn bộ nhân sự hiện hữu của phòng KSNB về phòng TCKT kể từ ngày 28/7/2022

Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	202/QĐ-HĐQT và 203/QĐ-HĐQT	15/07/2022	Bổ nhiệm bà Lê Thị Hoàng Trang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bà Trương Thị Ngọc Phượng giữ chức vụ Giám đốc điều hành Tổng Công ty từ 15/07/2022
19	209A/QĐ- HĐQT	19/07/2022	Thay đổi người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP PTĐT Dệt May Nam Định (Cử ông Đoàn Kiên đại diện vốn thay cho ông Phạm Văn Vũ)
20	215/QĐ- HDQT	21/07/2022	Thống nhất thay đổi người đứng đầu Chi nhánh của Tổng Công ty tại Ninh Thuận
21	218/NQ- HĐQT	25/07/2022	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9 triệu USD)
22	255/QĐ- HDQT 256/QĐ PP	31/08/2022	Sắp xếp tổ chức lại Phòng Đầu tư Tài chính thành Tổ Quản lý Vốn đầu tư
23	268/QĐ- HDQT	16/09/2022	Phân công nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn (Trần Anh Tuấn thay cho Đặng Tú Quyên) và giới thiệu nhân sự tham gia BKS HUD Sài Gòn (Đặng Tú Quyên)
24	279A/NQ- HĐQT	01/10/2022	Về việc xử lý khoản ký quỹ 19 tỷ dự án Khu nghỉ dưỡng sân Golf Lăng Cô của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô
25	281/QĐ- HDQT 282/QĐ- HĐQT	07/10/2022	Bổ nhiệm ông Phạm Phú Chung và ông Lý Anh Tài giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty từ 07/10/2022
26	305/QĐ-HĐQT	27/10/2022	Phê duyệt đầu tư bổ sung thiết bị cho ngành Sợi (Bộ Slub và Duocore)
27	321/QĐ- HĐQT	09/11/2022	Tạm ứng cổ tức 2022 (15%)
28	337/QĐ- HĐQT	21/11/2022	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN.HCM (150 tỷ đồng)
29	345/NQ- HĐQT	01/12/2022	Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB (150 tỷ đồng)
30	353B/QĐ- HĐQT	12/12/2022	Thống nhất trình Tập đoàn thông qua phương án trả nợ trước hạn khoản vay ADB theo HĐ vay vốn ADB số 09/2016/Vinatex-PPC
31	351/QĐ- HDQT	21/12/2022	Phân công nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú (Anh Phạm Phú Chung thay cho anh Dương Khuê) và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT PPH (Bạch Thị Kim Cương)
32	367A/QĐ-HĐQT	25/12/2022	Dự kiến KH ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
33	379/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông qua ủy quyền của HĐQT trong việc ký kết và thực hiện các HĐ/ giao dịch giữa Tổng Công ty CP Phong Phú với các bên có liên quan theo điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều của Luật chứng



Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ giám sát của BKS theo luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, hoạt động của BKS năm 2021 như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện:
 - + Điều lệ hoạt động, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT;
 - + Các phiên họp của HĐQT;
 - + Ban hành các quy chế hoạt động của HĐQT và các quy chế hoạt động của Tổng Công ty.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD):
 - + Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Tổng Công ty và các công ty có vốn của Tổng Công ty;
 - + Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty;
 - + Tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty;
- Kiểm tra định kỳ: Thẩm định báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.
- Cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư.
- Tham gia dự họp các phiên họp của HĐQT.
- Tổ chức các phiên họp của BKS.

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	4/4	100%
2	Bà Trần Liên Hữu	4/4	100%
3	Bà Vũ Thị Thùy Dương	4/4	100%

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 756.000.000 đồng

Tổng Giám đốc và người quản lý khác: 4.266.902.860 đồng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Người thực hiện	Mối quan hệ	Sở hữu đầu kỳ		Sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Ngô Anh Tuấn	Con bà Bùi Thị Thu	337.239	0,47%	-	-	Bán
Ngô Ngọc Thanh	Chồng bà Bùi Thị Thu	34.645	0,05%	34.645	0,05%	Bán



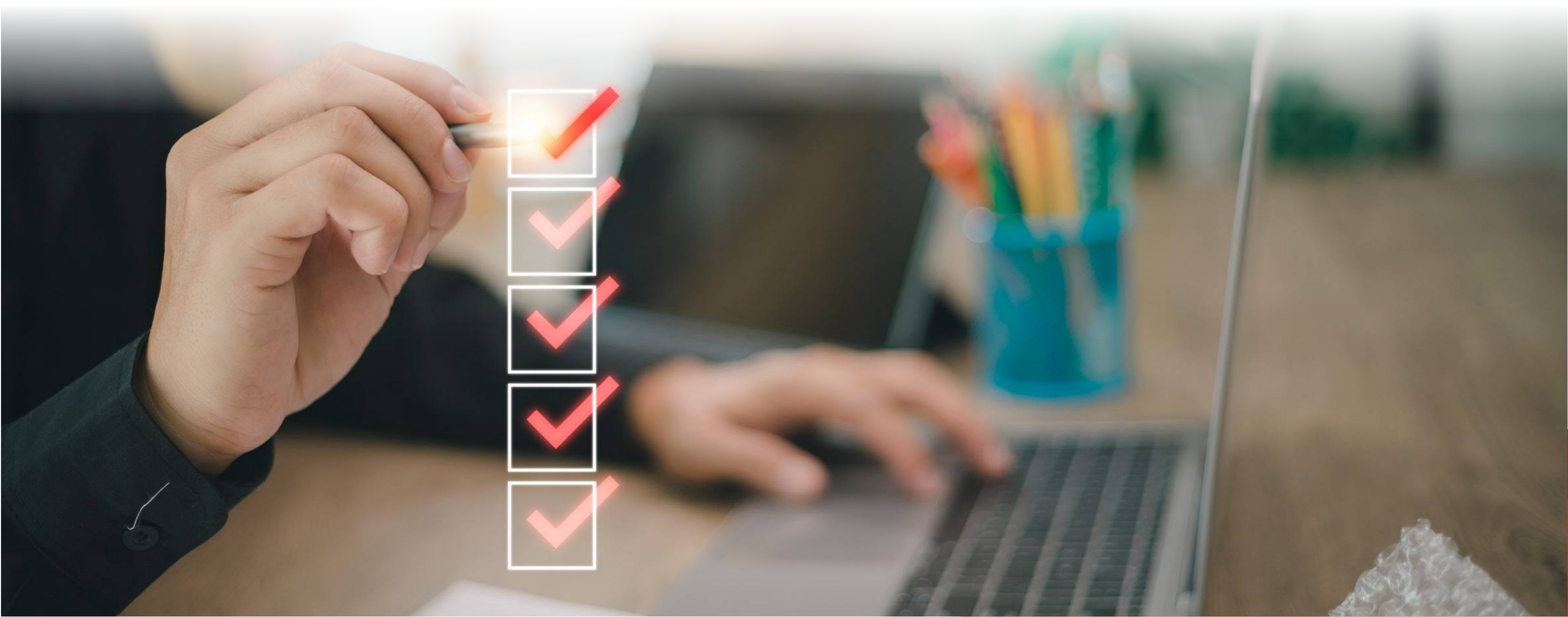


Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Stt	Nghiệp vụ	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú			
1	Lợi nhuận được chia	289.492.568.474	...
2	Bán thành phẩm, hàng hóa	495.380.796.792	...
3	Cung cấp dịch vụ	12.550.469.375	...
4	Mua nguyên liệu	197.783.519.219	...
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam			
1	Lãi cho vay	1.831.013.699	...
2	Giảm lãi cho vay	9.557.157.267	...
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang			
1	Bán thành phẩm, hàng hóa	16.231.880.249	...
2	Cung cấp dịch vụ	22.194.472.812	...
3	Lãi tiền thuê tài sản phải thu	5.045.491.030	...
4	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	43.353.401.207	...
Tập đoàn Dệt may Việt Nam			
1	Lãi vay Phải trả	16.646.106.322	...
2	Mua hàng hóa	303.810.000	...
3	Chi phí dịch vụ	160.000.000	...
4	Cổ tức phải trả	168.339.582.000	...
5	Mua tài sản cố định	100.000.000	...

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty luôn được Phong Phú luôn được đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Tổng Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Tổng Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Tổng Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 35 147 340
- Fax : (84-28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;

- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Dương Khuê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Ông Phạm Phú Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khuê	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020
Bà Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022
Ông Phạm Phú Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022
	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Khuê – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 1.0804/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TC/AC
15/3/2023

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày ở thuyết minh VIII.6, đối với việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 và phúc thẩm ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Tổng Công ty đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.
- Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất, chi phí lãi vay,... của Dự án Thắng Lợi tại số 02 đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh VIII.4).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Hoàng Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.269.812.148.164	1.479.935.413.269
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.369.002.941	66.158.052.726
1. Tiền	111		33.811.483.533	26.158.052.726
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.557.519.408	40.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		273.000.000.000	12.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	273.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		461.098.469.443	873.348.996.176
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	316.161.111.140	397.833.061.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.317.411.804	5.841.748.709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	116.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	166.670.574.126	388.792.253.116
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(25.434.741.362)	(35.942.364.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.113.735	224.297.235
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	461.957.944.391	516.187.567.907
1. Hàng tồn kho	141		478.865.097.503	528.421.292.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.907.153.112)	(12.233.724.907)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.386.731.389	12.240.796.460
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.000.648.097	1.406.407.693
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		173.093.225	10.584.648.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	212.990.067	249.740.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.037.285.181.227	2.098.376.890.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.376.600.334	69.971.966.522
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	4.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.376.600.334	65.171.966.522
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.107.575.697.873	1.217.895.249.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	982.414.704.634	1.092.553.652.738
- Nguyên giá	222		2.155.310.441.474	2.144.355.690.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.172.895.736.840)	(1.051.802.037.515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	125.002.979.898	125.130.465.970
- Nguyên giá	225		149.284.403.090	139.020.698.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.281.423.192)	(13.890.232.708)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	158.013.341	211.130.713
- Nguyên giá	228		583.927.273	583.927.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(425.913.932)	(372.796.560)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.002.516.932	71.959.401.835
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	65.337.246.943	65.337.246.943
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	22.665.269.989	6.622.154.892
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		810.572.619.545	700.979.608.080
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	721.998.197.498	596.430.417.824
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	105.929.737.637	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(17.355.315.590)	(20.698.174.943)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.757.746.543	37.570.664.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	13.995.307.242	18.871.575.053
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	14.762.439.301	18.699.089.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.307.097.329.391	3.578.312.303.962

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.519.403.610.692	1.917.037.854.865
I. Nợ ngắn hạn	310		802.186.889.753	990.456.333.552
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	178.187.229.630	314.279.786.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	19.330.574.372	22.902.811.057
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	80.177.508.306	41.832.918.802
4. Phải trả người lao động	314	V.20	68.715.643.874	56.770.756.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	9.178.291.428	7.957.867.973
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22a,c	3.260.362.000	3.263.143.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23a,c	62.459.083.687	6.488.343.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24a,c	294.436.328.211	451.590.385.970
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.25a	62.473.188.366	62.473.188.366
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.26	23.968.679.879	22.897.131.473
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		717.216.720.939	926.581.521.313
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22b,c	23.921.816.904	27.560.982.724
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23b,c	9.926.000.000	29.426.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24b,c	683.368.904.035	864.705.320.389
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.25b	-	4.889.218.200
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.787.693.718.699	1.661.274.449.097
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.787.693.718.699	1.661.274.449.097
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	440.807.767.529	418.850.500.432
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	543.692.884.337	443.666.168.568
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		184.686.857.905	443.666.168.568
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		359.006.026.432	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	24.115.880.832	19.680.594.096
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.307.097.329.391	3.578.312.303.962

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

(Signature)

Lê Thị Tú Anh
Người lập

(Signature)
Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng

(Signature)
Đương Khuê
Tổng Giám đốc



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.745.516.861.747	1.657.362.685.527
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.111.097.881	5.223.185.707
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.743.405.763.866	1.652.139.499.820
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.393.246.121.890	1.363.527.050.926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		350.159.641.976	288.612.448.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	76.174.691.244	34.639.215.012
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	100.560.541.854	47.544.143.799
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.241.724.408	41.654.125.602
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	406.491.989.704	342.303.645.121
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	64.690.293.031	62.292.459.070
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	188.326.180.572	180.487.717.502
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		479.249.307.467	375.230.988.657
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.165.639.154	43.636.045.977
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.809.916.060	74.510.389.891
14. Lợi nhuận khác	40		355.723.094	(30.874.343.914)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		479.605.030.561	344.356.644.743
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	2.653.282.311	1.481.344.218
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		476.951.748.250	342.875.300.525
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		471.873.906.754	340.820.835.097
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.077.841.496	2.054.465.428
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	5.946	4.684
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	5.946	4.684

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

(Signature)

Lê Thị Tú Anh
Người lập

(Signature)
Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng



(Signature)
Đương Khuê
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		479.605.030.561	344.356.644.743
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.16	141.826.056.910	136.568.738.425
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8, V.25	(13.098.713.556)	56.283.035.775
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	20.451.974.313	(6.318.281.657)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.5, VI.8	(470.152.913.352)	(359.534.872.084)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	42.241.724.408	41.654.125.602
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		219.544.531.700	(47.905.897.587)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		48.588.636.000	54.796.267.074
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(93.617.906.984)	59.089.934.841
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.282.027.407	15.397.131.347
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21, V.23a, V.24, VI.5, VII	(61.452.522.078)	(54.578.532.950)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(3.029.013.078)	(1.082.509.274)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.26, V.27	(20.890.279.183)	(25.506.661.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		295.298.633.068	213.219.122.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.14, VII	(22.407.602.638)	(92.213.438.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	1.787.037.038	16.294.977.047
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(548.000.000.000)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	408.400.000.000	30.168.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c, VI.4, VI.5	52.417.942.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, V.6a, VI.4, VII	506.154.641.046	344.289.605.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		398.352.017.446	271.539.143.845

CHỈ TIÊU

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.24	984.333.949.056	1.383.581.928.966
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.24	(1.347.276.047.843)	(1.722.776.511.558)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.24	(17.660.590.180)	(21.967.267.339)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23a, V.27	(306.727.476.635)	(156.318.963.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(687.330.165.602)	(517.480.812.931)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.320.484.912	(32.722.546.630)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	66.158.052.726	98.888.303.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(109.534.697)	(7.704.343)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	72.369.002.941	66.158.052.726

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

(Chữ ký)

Lê Thị Tú Anh
Người lập



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Đương Khuê
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú có trụ sở chính tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại công ty con này là 90% (số đầu năm là 90%).

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	34,74%	34,74%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	23,89%	30,35%	23,89%	30,35%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.648 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.784 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê xe được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (07 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính chỉ có máy móc thiết bị và được khấu hao theo đường thẳng trong 06 – 15 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.506.037.810	2.320.949.936
Tiền gửi ngân hàng	32.305.445.723	23.837.102.790
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	38.557.519.408	40.000.000.000
Cộng	72.369.002.941	66.158.052.726

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	403.885.652.375	489.139.290.953	85.253.638.578	283.831.647.012	369.085.285.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	(87.050.504)	9.912.949.496	10.000.000.000	565.502.290	10.565.502.290
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000	(1.272.792.041)	5.496.823.959	6.769.616.000	(2.012.794.909)	4.756.821.091
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	1.193.737.031	145.779.937.639	144.586.200.608	(2.820.748.790)	141.765.451.818
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	25.297.321.208	11.018.492.593	36.315.813.801	25.297.321.208	9.809.427.015	35.106.748.223
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	70.968.627.165	(35.615.245.515)	35.353.381.650	70.968.627.165	(35.818.018.353)	35.150.608.812
Cộng	349.675.919.796	372.322.277.702	721.998.197.498	349.675.919.796	246.754.498.028	596.430.417.824

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Điều chỉnh tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	369.085.285.590	400.882.655.395	(289.492.568.474)	8.663.918.442	489.139.290.953
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.565.502.290	(652.552.794)	-	-	9.912.949.496
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	4.756.821.091	740.002.868	-	-	5.496.823.959
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	141.765.451.818	4.014.485.820	-	1	145.779.937.639
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	35.106.748.223	1.209.065.578	-	-	36.315.813.801
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	35.150.608.812	298.332.837	-	(95.559.999)	35.353.381.650
Cộng	596.430.417.824	406.491.989.704	(289.492.568.474)	8.568.358.444	721.998.197.498

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	289.492.568.474	233.557.335.418
Bán thành phẩm, hàng hóa	495.380.796.792	450.704.799.403
Cung cấp dịch vụ	12.550.469.375	12.872.372.998
Mua nguyên liệu	197.783.519.219	231.368.987.170
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Lãi cho vay	1.831.013.699	6.793.854.795
Giảm lãi cho vay	9.557.157.267	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Bán thành phẩm, hàng hóa	16.231.880.249	20.958.623.600
Cung cấp dịch vụ	22.194.472.812	9.649.235.719
Lãi tiền thuê tài sản phải thu	5.045.491.030	2.780.776.065
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	43.353.401.207	59.809.170.886

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(949.900.491)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(7.985.929.414)	11.282.879.453	(7.587.377.354)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(2.567.130.366)	2.984.184.383	(2.314.642.263)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú ⁽ⁱ⁾	-	-	12.018.427.562	(3.278.429.206)
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	7.299.200.000	(328.266.919)
Cộng	105.929.737.637	(17.355.315.590)	125.247.365.199	(20.698.174.943)

- (i) Trong năm Tập đoàn đã bán toàn bộ 1.065.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú với trị giá bán thông qua đấu giá là 30.885.000.000 VND, chi phí là 12.195.187.562 VND.
- (ii) Trong năm Tập đoàn đã bán toàn bộ 729.920 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô với trị giá bán thông qua đấu giá là 21.897.600.000 VND, chi phí là 7.487.098.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.698.174.943	18.513.873.189
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(3.342.859.353)	2.184.301.754
Số cuối năm	17.355.315.590	20.698.174.943

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	174.109.910.619	203.239.367.650
Công ty TNHH Coats Phong Phú	151.101.014.465	175.611.285.800
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.430.807.340	13.930.807.340
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	9.474.352.228	13.686.474.600
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	103.736.586	10.799.910
Phải thu các khách hàng khác	142.051.200.521	194.593.694.347
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước	-	32.923.446.043
Các khách hàng khác	142.051.200.521	161.670.248.304
Cộng	316.161.111.140	397.833.061.997

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm (tên trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức)	-	2.508.914.736
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Toàn Cầu ATP	669.604.320	-
Các nhà cung cấp khác	2.647.807.484	3.332.833.973
Cộng	3.317.411.804	5.841.748.709

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu cho vay bên liên quan</i>	-	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	55.000.000.000
<i>Phải thu cho vay tổ chức khác</i>	-	61.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước	-	61.600.000.000
Cộng	-	116.600.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Số dư đầu năm là khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.554.371.735	-	135.564.896.338	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	79.466.400.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	-	-	55.852.879.448	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi thuê tài sản	1.554.371.735	-	245.616.890	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	165.116.202.391	(13.275.446.849)	253.227.356.778	(3.242.551.090)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	98.402.161.112	-	98.402.161.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền lãi cho vay	-	-	47.521.360.554	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh dự án Đồng Mai	-	-	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền chậm thanh toán	11.448.047.374	-	22.421.436.833	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án Láng Le - Bàu Cò (*)	43.532.895.759	(10.032.895.759)	-	-
Lãi dự thu tiền gửi	3.698.265.753	-	-	-
Phải thu lãi tiền thuê tài sản	1.315.275.654	-	117.537.791	-
Tạm ứng	2.020.410.522	-	693.063.933	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.699.146.217	(3.242.551.090)	4.071.796.555	(3.242.551.090)
Cộng	166.670.574.126	(13.275.446.849)	388.792.253.116	(3.242.551.090)

(*) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đảm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 4046/STNMT-QLĐ báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất dự án và bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đã làm việc và thống nhất chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh, xác định kết quả kiểm toán toàn bộ chi phí đầu tư dở dang của dự án để đề xuất phương án xử lý tài chính cụ thể. Do đó, khoản tiền này được chuyển từ Phải thu dài hạn khác (thuyết minh V.6b) sang ngắn hạn.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh - Dự án Láng Le - Bàu Cò (xem thuyết minh V.6a)	-	-	43.532.895.759	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	921.879.250	-	19.921.879.250	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.454.721.085	-	1.717.191.513	-
Cộng	2.376.600.335	-	65.171.966.522	-

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước	-	-	32.923.446.043	9.300.622.988
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	43.532.895.759	33.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
G.F.G. SRL	1.907.681.581	-	1.736.347.632	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.751.612.934	2	7.781.577.958	440.934.854
Cộng	58.434.741.364	33.500.000.002	45.683.922.723	9.741.557.842

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.942.364.881	26.371.646.823
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(10.507.623.519)	9.570.718.059
Số cuối năm	25.434.741.362	35.942.364.881

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.159.059.963	-	44.455.120.209	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.700.769.577	(1.064.788.302)	89.171.286.536	(1.298.388.933)
Công cụ, dụng cụ	-	-	62.519.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	119.027.919.139	-	131.234.945.411	-
Chi phí dở dang dự án	76.285.461.700	-	76.285.461.700	-
Thành phẩm	144.078.419.116	(15.842.364.810)	175.441.683.016	(10.935.335.974)
Hàng hóa	18.197.368.977	-	3.990.511.500	-
Hàng gửi đi bán	3.416.099.031	-	7.779.764.578	-
Cộng	478.865.097.503	(16.907.153.112)	528.421.292.814	(12.233.724.907)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.233.724.907	33.665.991.513
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	5.640.987.516	(20.546.548.734)
Xuất khác	(967.559.311)	(885.717.872)
Số cuối năm	16.907.153.112	12.233.724.907

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	110.310.764	1.006.911.458
Chi phí bảo hiểm	636.837.333	204.079.637
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	253.500.000	195.416.598
Cộng	1.000.648.097	1.406.407.693

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.337.559.203	2.127.348.556
Chi phí sửa chữa	2.436.129.082	6.482.934.996
Chi phí thuê	473.791.342	248.500.000
Tiền thuê đất	6.857.142.840	8.326.530.600
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.890.684.775	1.686.260.901
Cộng	13.995.307.242	18.871.575.053

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 435.489.898.874 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	139.020.698.678	13.890.232.708	125.130.465.970
Thuê tài chính trong năm	10.263.704.412	-	-
Khấu hao trong năm	-	10.391.190.484	-
Số cuối năm	149.284.403.090	24.281.423.192	125.002.979.898

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trung (danh nghĩa).

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	583.927.273	372.796.560	211.130.713
Khấu hao trong năm	-	53.117.372	-
Số cuối năm (*)	583.927.273	425.913.932	158.013.341

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 213.000.000 VND.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí của Dự án Thăng Lợi tại số 02 đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản họp ngày 26 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương điều chỉnh mục tiêu thực hiện dự án từ năm 2021 từ “Khu hỗn hợp dân cư Thăng Lợi” sang “Khu thương mại dịch vụ, nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê, kho bãi logistics”. Tiền thuê đất cho dự án từ năm 2021 sẽ ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 11055/STNMT-QLĐ về việc xác định vị trí, cấp hẻm của khu đất dự án và Tổng Công ty đang liên hệ với Trung tâm Đo đạc Bản đồ xác định lại từng phần diện tích đất S1, S2 để làm căn cứ tính đơn giá tiền thuê đất cũng như gia hạn hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất, chi phí lãi vay và chi phí thiết kế, đo đạc,... của dự án do thay đổi mục tiêu thực hiện dự án và các chi phí này thuộc chi phí của giai đoạn trước khi thực hiện dự án mới, không góp phần hình thành tài sản tương lai (xem thuyết minh số VIII.4). Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi phí dự án chỉ có chi phí nhà xưởng với số tiền là 65.337.246.943 VND.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	4.786.980.938	32.455.141.303	(16.271.032.253)	(300.000)	20.970.789.988
Xây dựng cơ bản dở dang	1.835.173.954	9.365.957.169	(8.955.287.841)	(551.363.281)	1.694.480.001
Dự án đầu tư nhà máy sợi cộc	427.393.953	9.079.257.169	(8.955.287.841)	(551.363.281)	-
Dự án chợ mới TP. Vũng Tàu	1.407.780.001	-	-	-	1.407.780.001
Các dự án khác	-	286.700.000	-	-	286.700.000
Cộng	6.622.154.892	41.821.098.472	(25.226.320.094)	(551.663.281)	22.665.269.989

(*) Trong đó, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính mua sắm tài sản dở dang với số tiền 17.453.790.454 VND (xem thuyết minh V.24).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 0 VND (năm trước là 258.980.925 VND).

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	91.848.859.521	92.816.109.242
Các chi phí phải trả	3.448.815.457	2.791.779.917
Dự phòng phải trả	62.473.188.366	62.473.188.366
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	25.926.855.698	27.551.140.959
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	243.665.992.237	332.665.067.290
Cộng	335.514.851.758	425.481.176.532

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm	61.306.069.300
Số cuối năm	61.306.069.300

Số đã phân bổ

Số đầu năm	42.606.979.518
Phân bổ trong năm	3.936.650.481
Số cuối năm	46.543.629.999

Giá trị còn lại

Số đầu năm	18.699.089.782
Số cuối năm	14.762.439.301

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	98.382.112.955	134.349.613.092
Công ty TNHH Coats Phong Phú	55.662.805.872	75.751.213.470
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	42.455.986.883	58.598.399.622
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	263.320.200	-
Phải trả các nhà cung cấp khác^(*)	79.805.116.675	179.930.172.998
Cộng	178.187.229.630	314.279.786.090

(*) Tại thời điểm cuối năm tài chính, nợ phải trả các nhà cung cấp khác đã được các ngân hàng tài trợ thanh toán bằng Upas L/C là 0 VND (số đầu năm là 95.717.397.492 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	21.442.860	36.845.370
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	36.845.370
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	21.442.860	-
Trả trước của các người mua khác	19.309.131.512	22.865.965.687
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu	-	-
Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	9.346.553.612	12.903.387.787
Cộng	19.330.574.372	22.902.811.057

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: 8% hoặc 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025). Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, thưởng,... còn phải trả cho người lao động.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	792.696.604	1.071.191.093
Chi phí hoa hồng	1.601.812.657	1.220.274.553
Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị	1.672.022.376	2.691.172.484
Chi phí chế độ cho nhân viên	1.170.000.000	880.057.945
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.941.759.791	2.095.171.898
Cộng	9.178.291.428	7.957.867.973

22. Doanh thu chưa thực hiện**22a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.22b)	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	102.900.000	105.681.818
Cộng	3.260.362.000	3.263.143.818

22b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê nhà máy ⁽ⁱ⁾	23.680.965.000	26.838.427.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	240.851.904	722.555.724
Cộng	23.921.816.904	27.560.982.724

⁽ⁱ⁾ Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

⁽ⁱⁱ⁾ Doanh thu tương ứng với giá trị lớn hơn giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính trong giao dịch bán và thuê lại tài sản.

23. Phải trả khác**23a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	33.484.532.431	749.345.869
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay	2.371.338.431	749.345.869
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả	31.113.194.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	28.974.551.256	5.738.997.596
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.574.865.317	3.930.289.659
Cổ tức phải trả	-	701.661.135
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm - Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	19.500.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.899.685.939	1.107.046.802
Cộng	62.459.083.687	6.488.343.465

23b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm - Nhận góp vốn dài hạn	-	19.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	9.926.000.000	29.426.000.000

23c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

24. Vay và nợ thuê tài chính**24a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	12.560.410.260	11.003.785.192
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.24b)	12.560.410.260	11.003.785.192
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	281.875.917.951	440.586.600.778
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	223.354.768.645	370.411.453.163
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.627.208.609	30.598.107.258
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.245.681.793	26.218.872.440
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	206.117.790.514	258.964.433.077
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	364.087.729	5.963.480.388
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	7.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	48.666.560.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	41.012.892.454	53.419.779.232
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	17.508.256.852	16.755.368.383
Cộng	294.436.328.211	451.590.385.970

^(*) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh.

Trong đó, số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 187.565.255.216 VND (số đầu năm là 147.726.533.254 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận; Hồ xử lý nước thải giai đoạn 2 : 3.700m³/ngày đêm; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu ZA207TI; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành từ dự án “Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy dệt thế hệ mới” (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24b. *Vay và nợ thuê tài chính dài hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	508.647.385.402	503.416.884.812
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	508.647.385.402	503.416.884.812
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	174.721.518.633	361.288.435.577
Vay dài hạn ngân hàng	30.036.965.250	191.230.343.426
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	30.036.965.250	191.230.343.426
Vay dài hạn các tổ chức khác	1.920.000.000	4.480.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.920.000.000	4.480.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(iv)	86.161.756.357	110.550.664.407
Nợ thuê tài chính	56.602.797.026	55.027.427.744
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(v)	56.027.060.163	51.110.642.446
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(vi)	575.736.863	3.916.785.298
Cộng	683.368.904.035	864.705.320.389

(i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tài cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:

- Thanh toán chi phí thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất thuộc dự án "Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú" và máy móc, thiết bị thuộc dự án "Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 1" (xem thuyết minh số V.10).
- Bù đắp các chi phí các dự án "Nhà máy khăn bông Quảng Phú" tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận; hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000.000 VND với lãi suất 10,5%/năm tại ngày giải ngân (lãi suất được điều chỉnh theo sự thỏa thuận giữa hai bên). Thời hạn cho vay đến 22 tháng 8 năm 2024 (81 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là công trình "Nhà máy khăn bông Quảng Phú" và tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dự án "Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 1" (xem thuyết minh số V.10).
- Đầu tư mua máy móc thiết bị tại Nhà máy dệt Hải Vân, hạn mức cho vay tối đa là 3.283.000.000 VND với lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,2%/năm (lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của phương án "Đầu tư máy móc thiết bị nhà máy Hải Vân" (xem thuyết minh số V.10).
- Đầu tư thực hiện dự án "Nhà máy khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2" tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, hạn mức cho vay tối đa là 150.222.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với lãi suất theo từng lần giải ngân (được điều chỉnh 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay là 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm công trình xưởng chuẩn bị Nhà máy dệt và xưởng Jacquard công nhân nhà máy dệt tại Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của dự án Nhà máy Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 (xem thuyết minh số V.10).

(iii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:

- Khoản vay 12.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.250m³/ngày đêm với lãi suất 3,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
- Khoản vay 15.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.850 m³/ngày đêm với lãi suất 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.

(iv) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(v) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cho các mục đích sử dụng như sau:

- Đề thuê máy móc thiết bị cho Tổng Công ty bao gồm 11 máy sợi con, máy đánh ống, máy nén khí và hệ thống vận chuyển sợi búp thô với thời hạn thuê là 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.
- Đề thuê máy móc thiết bị cho Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú bao gồm 04 máy nhuộm khăn; máy căng sấy định hình, bộ chóng chéo canh và hệ thống kiểm soát khuôn; máy đảo cone, hệ thống hút bụi và thiết bị nối về khí nén và máy so, phân tích màu và phần mềm Datacolor Match Textile với thời hạn thuê từ 72 tháng đến 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

(vi) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease cho các mục đích sử dụng như sau:

- Đề thuê 04 máy cắt ngang tự động khổ hẹp Model HEIGTAI HT-420, máy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang, máy mài dao gọt A-305 và 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng, số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề thuê các tài sản gồm áy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang và máy mài dao gọt A-305. Thời hạn thuê 48 tháng và số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề mua 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 25 tháng 12 năm 2023. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề mua hệ thống dây chuyền in bông 10 màu. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 11 tháng 12 năm 2024. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	68.489.857.704	38.452.892.454	30.036.965.250	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	525.687.795.662	15.120.410.260	66.424.701.583	444.142.683.819
Vay dài hạn các cá nhân	86.161.756.357	-	-	86.161.756.357
Nợ thuê tài chính	74.111.053.878	17.508.256.852	47.393.772.930	9.209.024.096
Cộng	754.450.463.601	71.081.559.566	143.855.439.763	539.513.464.272
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	242.090.122.658	50.859.779.232	163.625.637.026	27.604.706.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	521.460.670.004	13.563.785.192	60.990.565.981	446.906.318.831
Vay dài hạn các cá nhân	110.550.664.407	-	-	110.550.664.407
Nợ thuê tài chính	71.782.796.127	16.755.368.383	41.690.537.055	13.336.890.689
Cộng	945.884.253.196	81.178.932.807	266.306.740.062	598.398.580.327

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

25. Dự phòng phải trả

25a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Trong năm 2021, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9,568 m² đất (tương ứng diện tích phần đất liên kế đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

25b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp mất việc làm. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.889.218.200	2.287.841.870
Số trích lập bổ sung	40.156.400	3.245.740.930
Số sử dụng	(4.929.374.600)	(644.364.600)
Số cuối năm	-	4.889.218.200

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	16.225.873.370	11.447.032.714	(9.028.574.001)	18.644.332.083
Quỹ phúc lợi	4.662.105.484	-	(1.982.761.307)	2.679.344.177
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.009.152.619	9.592.190.628	(8.956.339.628)	2.645.003.619
Cộng	22.897.131.473	21.039.223.342	(19.967.674.936)	23.968.679.879

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

27c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 139/NQ-ĐHĐCĐ/PP ngày 20 tháng 5 năm 2022 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông (30%/mệnh giá cổ phiếu)	224.012.673.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (6%)	15.674.701.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%)	10.449.800.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%)	7.837.350.000
• Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)	1.156.501.000

Ngoài ra, Tổng Công ty tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 15% theo Quyết định số 321/QĐ-HĐQT ngày 9 tháng 11 năm 2022 với số tiền là 112.006.336.500 VND.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	708.022,66	583.661,45
Euro (EUR)	479,71	343,63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.430.714.297.052	1.372.745.640.164
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	314.802.564.695	284.353.408.999
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	263.636.364
Cộng	1.745.516.861.747	1.657.362.685.527

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, trong năm Tập đoàn chỉ có phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam với số tiền là 1.111.855.308 VND (năm trước là 430.234.761 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.153.042.092.912	1.158.921.131.945
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	234.563.041.462	224.888.831.351
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	263.636.364
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.640.987.516	(20.546.548.734)
Cộng	1.393.246.121.890	1.363.527.050.926

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	122.781.801	389.223.927
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.162.302.711	686.876.712
Lãi cho vay	2.544.407.670	-
Lãi trả chậm thanh toán	2.581.176.939	10.031.698.629
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.376.782.000	7.925.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.922.267.685	8.557.408.365
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	7.020.184.177
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	33.464.972.438	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	28.111.202
Cộng	76.174.691.244	34.639.215.012

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.241.724.408	41.654.125.602
Giảm lãi cho vay	23.001.855.899	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.016.235.958	889.200.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.451.974.313	701.902.520
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	364.658.000	2.114.613.787
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(3.342.859.353)	2.184.301.754
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.826.952.629	-
Cộng	100.560.541.854	47.544.143.799

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.442.457.372	15.260.677.125
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	701.535.878	1.974.305.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	4.328.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.660.338.814	37.090.620.793
Chi phí khác	8.885.960.967	7.962.526.851
Cộng	64.690.293.031	62.292.459.070

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	74.177.548.622	66.622.428.070
Chi phí vật liệu quản lý	5.348.983.611	4.272.514.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.645.090.066	3.730.745.066
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.936.650.480	3.936.650.480
Thuế, phí và lệ phí	57.629.255.049	48.862.784.103
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.507.623.519)	9.570.718.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.290.798.882	33.040.875.146
Chi phí khác	12.805.477.381	10.451.002.565
Cộng	188.326.180.572	180.487.717.502

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.477.116.829	8.618.638.251
Thu tiền đền bù, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất	-	33.409.384.500
Thu nhập khác	688.522.325	1.608.023.226
Cộng	2.165.639.154	43.636.045.977

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý dự án	-	11.378.756.703
Chi phí dự phòng phải trả dự án Tăng Phú	-	62.473.188.366
Chi phí tư vấn	1.603.906.643	-
Chi phí khác	206.009.417	658.444.822
Cộng	1.809.916.060	74.510.389.891

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	471.873.906.754	340.820.835.097
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.351.664.379)	(10.449.800.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(11.170.993.984)	(8.993.851.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(1.332.000.000)	(914.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	444.019.248.391	320.463.184.097
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	74.670.891	74.670.891
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.946	4.292

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất năm 2021 của dự án Thăng Lợi (xem thuyết minh số VIII.4) và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.684 VND xuống còn 4.292 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	985.757.962.935	969.421.940.233
Chi phí nhân công	276.307.824.842	271.654.114.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.826.056.911	136.568.738.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.098.369.571	306.511.112.977
Chi phí khác	38.546.862.598	26.283.277.781
Cộng	1.730.537.076.857	1.710.439.183.848

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	24.097.623.579	16.630.710.314
Cần trừ khoản tiền lãi thuê tài sản phải thu với công nợ phải trả	13.154.924.929	8.288.216.136
Mua sắm tài sản cố định bằng nhận nợ thuê tài chính	17.453.790.454	2.973.289.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định của Tập đoàn như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	3.329.739.525	797.115.800
Trả trước mua tài sản cố định	-	220.456.800

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	71.023.083.163	73.092.418.248
Trên 01 năm đến 05 năm	233.869.496.041	252.558.009.047
Trên 05 năm	319.561.547.624	384.500.561.913
Cộng	624.454.126.828	710.150.989.208

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	756.000.000	756.000.000
Tổng Giám đốc và người quản lý khác	4.266.902.860	3.164.350.020
Cộng	5.022.902.860	3.920.350.020

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết và giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả	16.646.106.322	8.714.506.345
Mua hàng hóa	303.810.000	-
Chi phí dịch vụ	160.000.000	68.128.450
Cổ tức phải trả	168.339.582.000	67.335.832.800
Mua tài sản cố định	100.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.17, V.18, V.23 và V.24.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Các lĩnh vực khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	1.040.488.360.455	950.920.656.885
Các nước khác	702.917.403.411	701.218.842.935
Cộng	1.743.405.763.866	1.652.139.499.820

4. Số liệu so sánh

Năm nay Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất, chi phí lãi vay,... của Dự án Thăng Lợi tại số 02 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh do thay đổi mục tiêu thực hiện dự án và các chi phí này không thuộc chi phí của giai đoạn trước khi thực hiện dự án mới, không góp phần hình thành tài sản tương lai (xem thuyết minh số V.13). Ngoài ra, Tập đoàn ước tính lại tiền thuê đất năm 2021 của Dự án Thăng Lợi này theo hệ số được xác định của Công văn số 11055/STNMT-QLĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh tiền thuê đất này đến số liệu so sánh (năm 2021) trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh		Số liệu sau điều chỉnh
		Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	215.340.985.983	(150.003.739.040)	65.337.246.943
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.527.697.869	37.305.220.933	41.832.918.802
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	630.975.128.541	(187.308.959.973)	443.666.168.568
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	143.182.496.569	37.305.220.933	180.487.717.502
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	380.180.521.458	(37.305.220.933)	342.875.300.525
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	381.661.865.676	(37.305.220.933)	344.356.644.743
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	21.784.713.908	37.305.220.933	59.089.934.841

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2018 và 2019, Tập đoàn đã bàn giao một số căn cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn vào kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Doanh thu kinh doanh bất động sản	115.401.827.748
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	111.481.102.764
Lãi gộp	3.920.724.984

Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức là 76.285.461.700 VND.

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 12 năm 2021 và xét xử phúc thẩm vào ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.25a).

Đến nay Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn và Tổng Công ty không bị tuyên hủy bỏ hay vô hiệu và các bên tham gia đều chưa yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hoặc thay đổi tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận. Hai bên cũng đã thống nhất sẽ thuê đơn vị khảo sát độc lập để khảo sát thực trạng, đánh giá và kết luận về công tác xây dựng trên toàn diện dự án và kiểm toán liên quan đến tài chính của dự án để làm cơ sở bàn giao lại dự án cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn làm chủ đầu tư. Từ đó các bên tham gia hợp tác sẽ đề xuất với Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết quan hệ với các khách hàng đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Hiện tại Tập đoàn đang xúc tiến các công việc cần thiết làm cơ sở bàn giao lại dự án cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn làm chủ đầu tư và chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023


 Lê Thị Tú Anh Người lập biểu	 Trương Thị Ngọc Phương Kế toán trưởng	 Dương Khuê Tổng Giám đốc
--	---	--

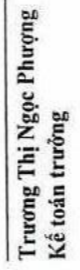
Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	629.294.327.255	1.461.894.000.489	41.165.340.556	12.002.021.953	2.144.355.690.253
Mua sắm mới	-	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	14.408.223.162	1.862.809.091	-	16.271.032.253
Điều chỉnh nguyên giá	-	(754.961.574)	-	-	(754.961.574)
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.661.319.458)	-	-	(6.661.319.458)
Phân loại lại	(59.600.948)	59.600.948	-	-	-
Số cuối năm	629.234.726.307	1.468.945.543.567	45.128.149.647	12.002.021.953	2.155.310.441.474
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.965.841.505	277.364.600.246	7.531.738.007	3.905.097.883	337.767.277.641
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	197.413.276.933	825.118.431.945	23.502.328.301	5.768.000.336	1.051.802.037.515
Khấu hao trong kỳ	22.753.655.602	100.469.169.555	3.461.713.536	760.559.881	127.445.098.574
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.351.399.249)	-	-	(6.351.399.249)
Phân loại lại	(59.600.948)	64.463.168	-	(4.862.220)	-
Số cuối năm	220.107.331.587	919.300.665.419	26.964.041.837	6.523.697.997	1.172.895.736.840
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	431.881.050.322	636.775.568.544	17.663.012.255	6.234.021.617	1.092.553.652.738
Số cuối năm	409.127.394.720	549.644.878.148	18.164.107.810	5.478.323.956	982.414.704.634

Trong đó:
 Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023



 Lê Thị Tú Anh
 Người lập


 Trương Thị Ngọc Phượng
 Kế toán trưởng

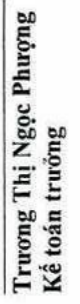

 Dương Khuê
 Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	34.267.689	-	11.041.017.422	(8.870.841.829)	2.204.443.282	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.375.646.264	(4.375.646.264)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	41.971.711	342.842.486	(306.091.827)	-	5.221.052
Thuế thu nhập doanh nghiệp	952.997.162	207.769.015	2.653.282.311	(3.029.013.078)	577.266.395	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	3.305.599.470	-	15.131.690.203	(15.662.694.964)	2.774.594.709	-
Thuế tài nguyên	6.750.239	-	240.005.743	(239.133.723)	7.622.259	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	37.533.304.242	-	58.685.129.583	(21.604.852.164)	74.613.581.661	-
Các loại thuế khác	-	-	205.529.752	(205.529.752)	-	-
Cộng	41.832.918.802	249.740.726	92.675.143.764	(54.293.803.601)	80.177.508.306	212.990.067


 Lê Thị Tú Anh
 Người lập


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023


 Trương Thị Ngọc Phượng
 Kế toán trưởng


 Dương Khuê
 Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

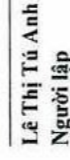
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
11.003.785.192	-	12.479.077.990	-	647.142.055	(11.569.594.977)	12.560.410.260
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan						
440.586.600.778	978.062.949.056	71.255.501.821	-	(17.109.836)	(1.208.012.023.868)	281.875.917.951
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>						
370.411.453.163	978.062.949.056	-	-	(214.989.268)	(1.124.904.644.306)	223.354.768.645
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>						
53.419.779.232	-	53.098.472.854	-	(57.772.602)	(65.447.587.030)	41.012.892.454
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
16.755.368.383	-	18.157.028.967	-	255.652.034	(17.659.792.532)	17.508.256.852
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>						
451.590.385.970	978.062.949.056	83.734.579.811	-	630.032.219	(1.219.581.618.845)	294.436.328.211
Cộng						

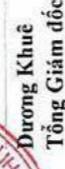
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Tăng do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
503.416.884.812	-	(12.479.077.990)	-	17.709.578.580	-	508.647.385.402
191.230.343.426	-	(50.538.472.854)	-	496.080.322	(111.150.985.644)	30.036.965.250
4.480.000.000	-	(2.560.000.000)	-	-	-	1.920.000.000
110.550.664.407	6.271.000.000	-	3.543.327.836	-	(34.203.235.886)	86.161.756.357
55.027.427.744	18.762.207.025	(18.157.028.967)	-	970.988.872	(797.648)	56.602.797.026
864.705.320.389	25.033.207.025	(83.734.579.811)	3.543.327.836	19.176.647.774	(145.355.019.178)	683.368.904.035
Cộng						

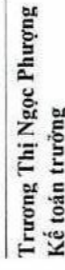

Lê Thị Tú Anh
Người lập


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc

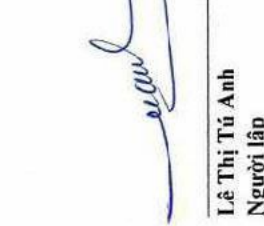


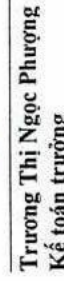

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng


Lê Thị Tú Anh
Người lập

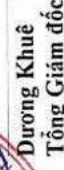
Đơn vị tính: VND

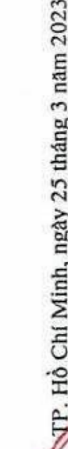
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
746.708.910.000	32.368.276.001	375.429.581.476	306.836.858.151	19.190.379.988	1.480.534.005.616
-	-	-	340.820.835.097	2.054.465.428	342.875.300.525
-	-	-	(134.407.603.800)	(1.600.000.000)	(136.007.603.800)
-	-	43.420.918.956	(66.126.292.605)	113.619.577	(22.591.754.072)
-	-	-	(920.000.000)	-	(920.000.000)
-	-	-	(2.537.628.275)	(77.870.897)	(2.615.499.172)
746.708.910.000	32.368.276.001	418.850.500.432	443.666.168.568	19.680.594.096	1.661.274.449.097
Số dư đầu năm nay					
746.708.910.000	32.368.276.001	418.850.500.432	443.666.168.568	19.680.594.096	1.661.274.449.097
Lợi nhuận trong năm					
-	-	-	471.873.906.754	5.077.841.496	476.951.748.250
Trích lập các quỹ trong năm					
-	-	21.957.267.097	(43.534.996.105)	538.505.666	(21.039.223.342)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm					
-	-	-	(336.019.009.500)	(1.120.000.000)	(337.139.009.500)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành					
-	-	-	(861.543.822)	(61.060.425)	(922.604.247)
Các khoản điều chỉnh khác					
-	-	-	8.568.358.442	(1)	8.568.358.441
746.708.910.000	32.368.276.001	440.807.767.529	543.692.884.337	24.115.880.832	1.787.693.718.699
Số dư cuối năm nay					


Lê Thị Tú Anh
Người lập


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau				
Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.430.714.297.052	314.802.564.695	-	1.745.516.861.747
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.430.714.297.052	314.802.564.695	-	1.745.516.861.747
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	269.920.118.743	80.239.523.233	-	350.159.641.976
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(253.016.473.603)	(253.016.473.603)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	97.143.168.373	97.143.168.373
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	76.174.691.244	76.174.691.244
Chi phí tài chính	401.920.991.100	4.570.998.604	-	(100.560.541.854)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	406.491.989.704	406.491.989.704
Thu nhập khác	-	-	2.165.639.154	2.165.639.154
Chi phí khác	-	-	(1.809.916.060)	(1.809.916.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(2.653.282.311)	(2.653.282.311)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	476.951.748.250	476.951.748.250
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	47.368.379.553	2.140.756.525	-	49.509.136.078
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	107.110.223.100	41.241.697.031	-	148.351.920.131
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(25.929.737.478)	10.032.895.759	-	(15.896.841.719)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau				
Năm trước	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.367.522.454.457	284.617.045.363	-	1.652.139.499.820
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.367.522.454.457	284.617.045.363	-	1.652.139.499.820
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	229.147.871.246	59.464.577.648	-	288.612.448.894
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(242.780.176.572)	(242.780.176.572)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	45.832.272.322	45.832.272.322
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	34.639.215.012	34.639.215.012
Chi phí tài chính	361.936.968.074	(19.633.322.953)	-	(47.544.143.799)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	342.303.645.121	342.303.645.121
Thu nhập khác	-	-	43.636.045.977	43.636.045.977
Chi phí khác	-	-	(74.510.389.891)	(74.510.389.891)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(1.481.344.218)	(1.481.344.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	342.875.300.525	342.875.300.525
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	99.125.304.037	53.121.043	-	99.178.425.080
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	115.575.892.660	38.783.681.621	-	154.359.574.281
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	16.972.094.389	62.473.188.366	-	79.445.282.755

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất		Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác		Các khoản loại trừ		Cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.075.011.584.093	-	891.564.312.024	-	-	-	1.966.575.896.117
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.340.521.433.274
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	3.307.097.329.391
Tổng tài sản							
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	613.778.842.905	-	602.101.187.704	-	-	-	1.215.880.030.609
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.151.876.908	-	77.374.913.374	-	-	-	79.526.790.282
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	223.996.789.801
Tổng nợ phải trả							1.519.403.610.692
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.161.349.842.355	-	1.032.702.805.379	-	-	-	2.194.052.647.734
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.510.097.011	-	1.835.506.063	-	-	-	3.345.603.074
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	1.380.914.053.154
Tổng tài sản							3.578.312.303.962
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	995.494.047.309	-	758.331.383.589	-	-	-	1.753.825.430.898
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.584.058.138	-	1.925.404.989	-	-	-	3.509.463.127
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	159.702.960.840
Tổng nợ phải trả							1.917.037.854.865

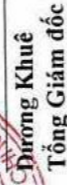


Lê Thị Tú Anh
Người lập



Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

